



Số/No.: 177/2024/CV- SMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. HCM, ngày 16 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh /Hochiminh Stock Exchange

I. Tên tổ chức/Name of organization:

Công Ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại SMC/ SMC Investment Trading Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/Stock code: SMC
- Địa chỉ/Address: 681 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
- Điện thoại/Tel.: (08) 3899 2299 Fax: (08) 3898 0909
- Email: smc@smc.vn

II. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure: Báo cáo thường niên năm 2023

III. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/04/2024 tại đường dẫn: <https://smc.vn> tại mục Quan hệ cổ đông.

This information was published on the company's website on 16/04/2024 (date), as in the link: <https://smc.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Đại diện tổ chức/ Người UQ CBTT
Organization representative



NGUYỄN NGỌC Ý NHI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

📍 681 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

☎ (84-28) 3899 2299 - (84-28) 3898 0909 🌐 www.smc.vn



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2023

CÁC TỪ VIẾT TẮT

SMC	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	PTGD	Phó Tổng Giám Đốc
CTCP	Công ty cổ phần	TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn	VPĐD	Văn phòng đại diện
MTV	Một thành viên	BKS	Ban kiểm soát
LNST	Lợi nhuận sau thuế	BRVT	Bà Rịa Vũng Tàu
KCN	Khu công nghiệp	TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	CP	Cổ phiếu
SXKD	Sản xuất kinh doanh	KTT	Kế toán trưởng
HDQT	Hội đồng quản trị	CTTV	Công ty Thành viên
TGD	Tổng Giám Đốc	TH/KH	Thực hiện/Kế hoạch
CT.HĐQT	Chủ tịch hội đồng quản trị	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
QTKD	Quản trị kinh doanh	KQKD	Kết quả kinh doanh
BCTC	Báo cáo tài chính	BCKT	Báo cáo kiểm toán
SGDCK	Sở Giao dịch chứng khoán	VLXD	Vật liệu xây dựng
CBTT	Công bố thông tin	ĐDPL	Đại diện pháp luật
MISTS	Marubeni Itochu Sumisho Techno Steel INC	MISP	Marubeni Itochu Steel PTE. Ltd
NKG	CTCP Thép Nam Kim	CBQL	Cán bộ Quản lý
LĐTT	Lao động Trực tiếp	LĐGT	Lao động Gián tiếp
BKTNB	Ban kiểm toán nội bộ	NHNNVN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
TẦM NHÌN – TRIẾT LÝ KINH DOANH – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI	06
THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	08
1. Giới thiệu	08
2. Sản phẩm và dịch vụ cung cấp	10
3. Hệ thống nhà máy và Công ty con – Công ty Liên Doanh Liên Kết	12
4. Lịch sử hình thành và phát triển	14
5. Sơ đồ tổ chức kinh doanh năm 2023	16
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
1. Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị	20
2. Hoạt động và Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	22
- Đánh giá chung về tình hình vĩ mô và thị trường năm 2023	22
- Đánh giá về hoạt động của ban TGD và kết quả SXKD năm 2023	23
- Báo cáo các hoạt động của HDQT trong năm 2023	24
- Kế hoạch và định hướng của HDQT năm 2024	24
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	26
1. Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc	28
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	30
- Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023	30
- Đánh giá tình hình tài chính trọng yếu năm 2023	32
- Kế hoạch và mục tiêu phát triển năm 2024	38
BAN KIỂM SOÁT	40
1. Giới thiệu Ban Kiểm Soát	42
2. Báo cáo của Ban Kiểm Soát	43
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	50
1. Quản trị rủi ro	50
2. Tổ chức và nhân sự	51
3. Quan hệ cổ đông và Nhà đầu tư	60
4. Hoạt động cộng đồng	64
5. Phát triển bền vững	64
CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT	68
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2023	78



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông, Các nhà Đầu tư, Đối tác doanh nghiệp và các Đồng nghiệp;

Trước hết, tôi muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc đến sự thấu hiểu, đồng cảm, và hỗ trợ to lớn của Quý vị dành cho SMC suốt thời gian qua.

Dù nhận định năm 2023 là một năm với nhiều thử thách do các yếu tố bất định, nhưng chúng ta đã vượt qua đủ các tình huống xảy ra. Cùng với sự diễn biến tiêu cực của nền kinh tế trong và ngoài nước, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại SMC đón nhận kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không mấy khả quan với LNST âm 925 tỷ đồng với khoảng 55% trong đó do trích lập dự phòng các khoản phải thu chậm luân chuyển. Tuy đây là một bước lùi trong quá trình phát triển, nhưng không thể phủ nhận đây sẽ là kinh nghiệm quý báu giúp định hình hành trình kế tiếp của SMC.

Bước sang năm 2024, SMC kỳ vọng sự giảm nhiệt của các yếu tố bất định, khó lường; và nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ dần ổn định, phục hồi. Trong bối cảnh đó, SMC sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc tái cấu trúc công ty, tạo sự linh động nhằm đáp ứng những cơ hội mới từ sự biến động của thị trường. Đồng thời, SMC sẽ tiếp tục tập trung vào việc tối ưu hóa các quy trình hoạt động, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh. Đây sẽ là chìa khóa để SMC vượt qua khó khăn, củng cố uy

tín, sự tin tưởng của Quý Cổ đông, Đối tác. Dẫu vậy, các vấn đề của thị trường thương mại và tài chính sẽ cần thời gian để các giải pháp phát huy hiệu quả. Vì vậy, chúng ta không nên quá lạc quan, mà thay vào đó, nên giữ tinh thần cẩn trọng khi các nguy cơ tiềm ẩn còn hiện diện. Sự chuẩn bị đầy đủ sẽ giúp chúng ta xây dựng nền tảng vững chắc trên con đường tiến lên.

Cuối cùng, tôi muốn dành lời cảm ơn chân thành nhất tới toàn thể CBCNV trong hệ thống SMC vì đã đoàn kết, đồng lòng và máu lửa trong suốt một năm vừa qua. Tôi tin tưởng rằng SMC với quyết tâm cao nhất, chúng ta nhất định sẽ vượt qua. Xin chúc Quý vị một năm 2024 ổn định và phát triển.

Trân trọng,
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTCP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**

NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN

TẦM NHÌN

Nói đến Thép nghĩ đến SMC – Nói đến SMC nghĩ đến Thép
SMC - Doanh nghiệp Thép Uy Tín và Chuyên Nghiệp

SMC cam kết thực hiện tốt vai trò uy tín và chuyên nghiệp trong lĩnh vực phân phối, hoạt động gia công và sản xuất kinh doanh thép; không ngừng hoàn thiện, đổi mới, và phát triển để nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, mang lại giá trị gia tăng và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng và thị trường.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Biết người biết ta
Tiên phong trong mọi hoạt động
Minh bạch, Uy tín, Chuyên nghiệp
Hài hòa lợi ích

SỨ MỆNH

SMC khát khao được cống hiến năng lực và trí tuệ của mình vì sự tin cậy và lợi ích của các đối tác, vì tương lai ổn định và phát triển bền vững cho ngành thép Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chuyên nghiệp
Hợp tác, Chia sẻ, Học hỏi
Uy tín, Minh bạch, Hiệu quả
Tối đa hóa lợi ích khách hàng
Đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu chung
Đề cao giá trị chữ Tâm trong mọi hoạt động
Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp



TẦM NHÌN
TRIẾT LÝ KINH DOANH
SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt	: Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại SMC
Tên tiếng Anh	: SMC Trading Investment Joint Stock Company
Tên giao dịch	: Steel Materials Company
Tên viết tắt	: SMC J.S.C
Trụ sở chính	: 681 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Điện thoại	: (028) 3899 2299 Fax: (028) 3898 0909
Website	: www.smc.vn
Vốn điều lệ	: 736.785.870.000 đồng
Mã chứng khoán	: SMC – niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HSX)
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Số cổ phiếu niêm yết	: 73.678.587 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành	: 73.606.837 cổ phiếu

Lĩnh vực kinh doanh:

☐ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox; xây dựng, lắp đặt các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; sửa chữa nhà ở, trang trí nội ngoại thất; lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn, thiết kế và kinh doanh nhà ở; kinh doanh các mặt hàng điện máy kim khí, bách hóa, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm.

☐ Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa hàng xuất nhập khẩu;

☐ Cho thuê xe có động cơ.

☐ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

☐ Bán buôn, chuyên doanh khác..



2. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

- Phân phối thép xây dựng các loại bao gồm thép cuộn kéo dầy, thép tròn trơn, thép gân; và các nguyên liệu sản xuất thép.
- Phân phối thép tấm lá các loại bao gồm thép cán nóng, thép cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ điện, mạ màu, mạ hợp kim, thép không gỉ.
- Phân phối thép hình (H, I, U), thép la, xà gỗ, thép cường độ cao, thép không theo quy chuẩn.
- Hệ thống Coil Center, có tổng công suất gia công lên đến 500.000 tấn/năm, với các nhà máy đặt tại BRVT, TP.HCM, Đà Nẵng, và Hà Nội được trang bị máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc theo công nghệ Châu Âu, phương pháp quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, chuyên cung cấp dịch vụ gia công định hình, xả băng, cắt chặt tám các loại thép tấm lá, thép không gỉ với độ chính xác và chất lượng cao.
- Hệ thống Cơ Khí Chính Xác, có tổng công suất giai đoạn 1 đạt 2.000.000 sản phẩm/năm, với nhà máy đặt tại KCN Phú Mỹ 2, tỉnh BRVT được trang bị máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Hàn Quốc, chuyên cung cấp dịch vụ gia công chính xác, đột dập định hình, cung cấp sản phẩm chất lượng cao cho các nhà sản xuất điện gia dụng, điện tử, ô tô, xe máy...
- Hệ thống sản xuất thép cán nguội và thép lá mạ kẽm tại SMC Cơ Khí, có công suất thiết kế 350.000 tấn/năm, chuyên cung cấp các sản phẩm cho hệ thống Coil Center và các nhà máy sản xuất ống thép.
- Hệ thống sản xuất thép ống Việt Nhật Sendo có công suất 250.000 tấn ống thép các loại/năm, bao gồm ống tròn, ống vuông, ống hộp, theo hai dòng sản phẩm ống đen và ống mạ kẽm.
- Hệ thống sản xuất lưới thép hàn Việt Nhật SMC Toami chuyên sản xuất lưới thép hàn với công nghệ và chất lượng cao.



Cơ khí chính xác



Thép mạ kẽm



Thiết bị tự động



Thép hộp



Thép cuộn cán nóng



Thép cuộn kéo dầy



Thép tấm cán nóng



Xà gỗ



Thép gân



Lưới thép hàn



Hệ thống Coil Center



Thép lá mạ kẽm



Ống thép



Kho bãi



Thép cán nguội



Thép tròn trơn



TRỤ SỞ CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

681 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (028) 3899 2299 – Fax: (028) 3898 0909
Website: www.smc.vn

4

CÔNG TY LIÊN DOANH – LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH SMC – SUMMIT (LIÊN DOANH SMC – MISTS – MISP)

Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
VPĐD: 683 - 685 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Điện thoại: (028) 3512 5010 / 7420 – Fax: (028) 3512 1460
Vốn điều lệ: VNĐ 83.286.000.000
Tỷ lệ sở hữu: 50%

CÔNG TY TNHH HANWA SMC STEEL SERVICE HÀ NỘI

(LIÊN DOANH SMC – TẬP ĐOÀN HANWA)
Lô số 47, KCN Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3525 1522 – Fax: (024) 3525 1526
Vốn điều lệ: VNĐ 64.369.800.000
Tỷ lệ sở hữu: 35%

3. CÔNG TY TNHH SMC – TOAMI (LIÊN DOANH SMC – TẬP ĐOÀN TOAMI – TẬP ĐOÀN HANWA)

Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (0254) 3924 410 – Fax: (0254) 3924 411
VPĐD: 124 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (028) 3512 5555 – Fax: (028) 3512 1515
Vốn điều lệ: VNĐ 65.217.375.000
Tỷ lệ sở hữu: 25%

CÔNG TY TNHH VSSC STEEL CENTER (LIÊN DOANH SMC – SAMSUNG C&T)

Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (0254) 3823 1135
Vốn điều lệ: VNĐ 225.750.000.000
Tỷ lệ sở hữu: 15%



CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SMC

Đường số 5, KCN Đồng An, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0274) 3769 526 – Fax: (0274) 3783 839
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (0254) 3922 866 – Fax: (0254) 3922 469
Vốn điều lệ: 230.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (0254) 3922 933 – Fax: (0254) 3922 969
Vốn điều lệ: 180.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM
Điện thoại: (028) 3754 7454 – Fax: (028) 3754 5666
Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH MTV SMC ĐÀ NẴNG

Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3737 345 – Fax: (0236) 3723 345
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH GIA CÔNG THÉP SMC PHÚ MỸ

Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (0254) 3933 595 – Fax: (0254) 3933 600
Vốn điều lệ: 220.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC SMC PHÚ MỸ

Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (0254) 3933 866 – Fax: (0254) 3933 869
Vốn điều lệ: 375.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ TỰ ĐỘNG SMC PHÚ MỸ

Đường số 9, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (0254) 3952 966 – Fax: (0254) 3952 977
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO (LIÊN DOANH SMC – HANWA CO. LTD)

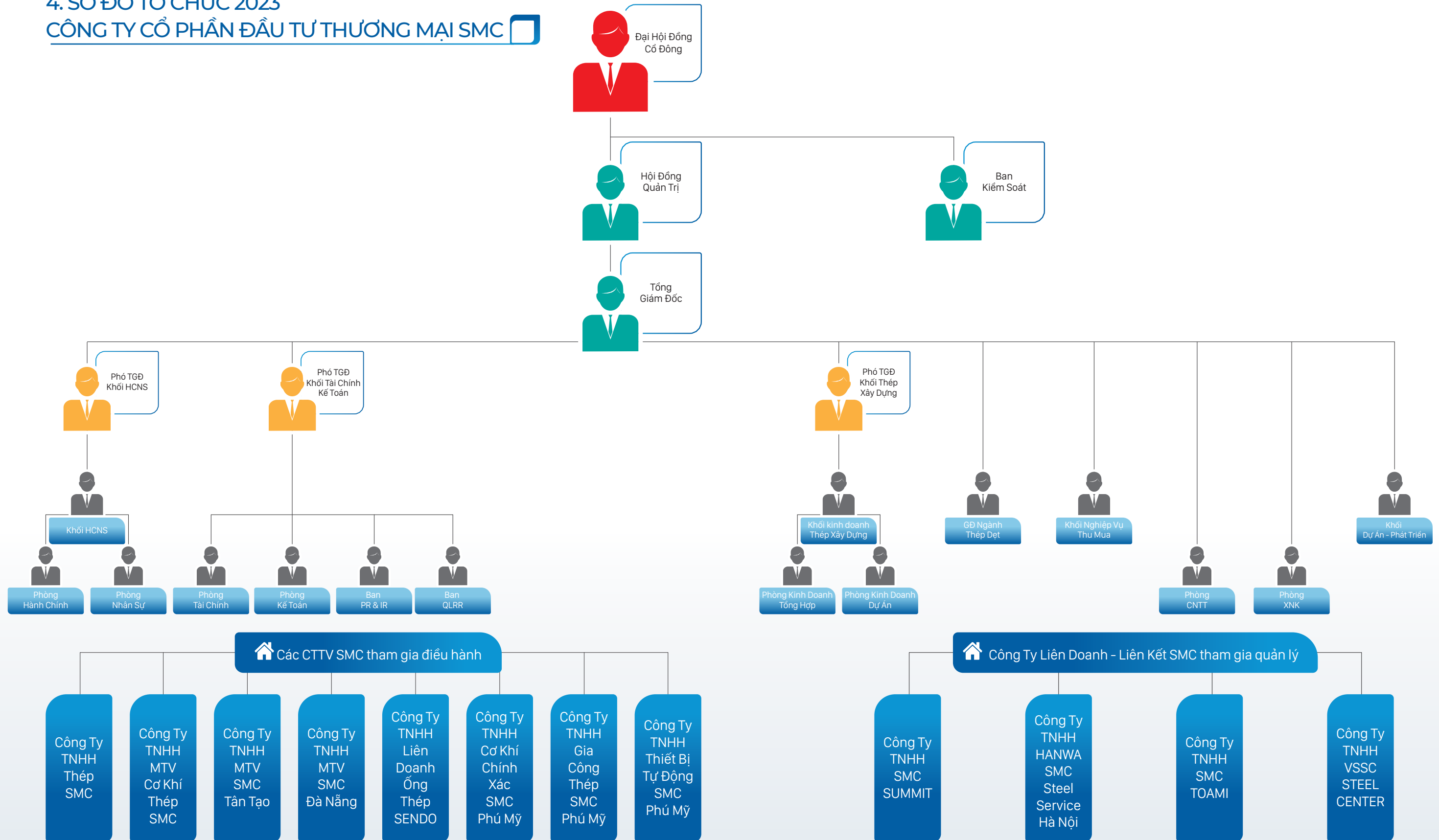
Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (0254) 3922 882 – Fax: (0254) 3922 881
Website: <http://sendopipe.vn/>
Vốn điều lệ: 176.201.485.313 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 75%



3. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

	<p>Ra mắt thương hiệu SMC, viết tắt cho "Steel Materials Company"</p>	<p>1998</p>		<p>Niên yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán: SMC</p>	<p>2006</p>		<p>Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương (nay là Công ty TNHH MTV Thương mại SMC) và Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC.</p>	<p>2008</p>		<p>Thành lập Liên doanh SMC - Summit</p>	<p>2012</p>		<p>Thành lập Công ty liên doanh Ông thép Sendo</p>	<p>2015</p>
	<p>Thành lập Cửa hàng VLXD số 15 thuộc trung tâm Bán buôn bán lẻ VLXD Miền Nam</p>	<p>1988</p>		<p>Cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành CTCP Đầu tư Thương mại SMC.</p>	<p>2004</p>		<p>Thành lập Coil Center đầu tiên - Công ty TNHH Thép SMC & Đón nhận huân chương lao động hạng 2.</p>	<p>2007</p>		<p>Thành lập Coil Center SMC Hà Nội (nay là Liên doanh Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội)</p>	<p>2011</p>		<p>Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo & Đón nhận huân chương lao động hạng 1</p>	<p>2013</p>
	<p>Vận hành giai đoạn 2 nhà máy ống thép Sendo</p>	<p>2018</p>		<p>Vận hành nhà máy Gia Công Thép SMC Đà Nẵng</p>	<p>2020</p>		<p>Thành lập Công ty TNHH Thiết Bị Tự Động SMC Phú Mỹ</p>	<p>2022</p>						
	<p>Vận hành nhà máy sản xuất thép lá cán nguội và thép lá mạ kẽm tại Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC</p>	<p>2017</p>		<p>Vận hành giai đoạn 2 nhà máy Cơ Khí Thép SMC & Thành lập liên doanh Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội giữa SMC và Tập Đoàn Hanwa</p>	<p>2019</p>		<p>Thành lập Công ty TNHH Gia Công Thép SMC Phú Mỹ Thành lập Công ty TNHH Cơ Khí Chính Xác SMC Phú Mỹ Thành lập Liên Doanh Công ty TNHH VSSC Steel Center giữa SMC và Samsung C&T</p>	<p>2021</p>		<p>Kỷ niệm 35 năm hình thành và phát triển của SMC</p>	<p>2023</p>			

4. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



01

MS. NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN

Chủ tịch HĐQT SMC
Năm sinh: 1961
Trình độ chuyên môn:
 Cao đẳng Kinh tế – chuyên ngành QTKD



02

MS. NGUYỄN NGỌC Ý NHI

**Phó Chủ tịch HĐQT SMC/
 Phó TGD Khối Tài Chính Kế Toán SMC**
Năm sinh: 1983
Trình độ chuyên môn:
 Thạc sỹ Kinh tế Tài chính



03

MR. KISHIMOTO HIDEKI

**Thành viên HĐQT SMC/
 Giám đốc Điều hành Công ty TNHH Hanwa Việt Nam**
Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn:
 Cử nhân



04

MR. NGUYỄN HỮU KINH LUÂN

**Thành viên HĐQT SMC / Giám đốc Công ty TNHH MTV
 Cơ Khí Thép SMC / Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Liên
 Doanh Ống Thép Sendo**
Năm sinh: 1982
Trình độ chuyên môn:
 Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



05

MR. VŨ ANH NGUYỄN

**Thành viên HĐQT SMC/ Tổng Giám Đốc
 Công ty Nội thất và Trang trí Baya Việt Nam**
Năm sinh: 1989
Trình độ chuyên môn:
 Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh



HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá chung về tình hình vĩ mô và thị trường năm 2023

Năm 2023 khởi đầu với nhiều rủi ro và thách thức hiện hữu trong và ngoài nước. Kinh tế toàn cầu suy yếu, lạm phát cao, chính sách thắt chặt tiền tệ mạnh mẽ, và việc Fed liên tục nâng lãi suất gây áp lực lớn lên tình hình kinh tế xã hội, các hoạt động thương mại sản xuất, đầu tư, tiêu dùng, và xuất nhập khẩu toàn cầu. Xung đột Nga - Ucraina tiếp diễn, trong khi xung đột mới bùng phát ở Trung Đông và Biển Đỏ xảy ra trong các tháng cuối năm 2023 làm cho tình hình thế giới ngày càng phức tạp, thị trường hàng hóa thế giới tiếp tục có nhiều biến động.

Tình hình tài chính thế giới mong manh sau đại dịch và cơn bão lạm phát, kinh tế nhiều khu vực suy yếu khiến cho Việt Nam cũng không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực. Mặc dù tăng trưởng GDP cả năm 2023 chỉ đạt 5,05%, không hoàn thành mục tiêu đề ra là 6,5%, nhưng là kết quả tích cực, đưa Việt Nam vào nhóm các nền kinh tế có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục được ổn định và có dấu hiệu phục hồi, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp, cung cầu hàng hóa thiết yếu được đảm bảo, đầu tư công được đẩy mạnh, và tiêu dùng nội địa được duy trì ở mức tích cực. Trái với xu hướng tăng lãi suất chung của thế giới, NHNNVN đã liên tục 4 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành trong năm 2023, tạo điều kiện để giảm mặt bằng lãi suất cho vay của thị trường trong khi vẫn đảm bảo kiểm soát tốt lạm phát và tỷ giá VND chỉ tăng hơn 2% so với USD. Đồng thời, giữa những bất định của suy giảm kinh tế toàn cầu, Việt Nam thu hút đầu tư nước ngoài một cách nổi bật với tổng vốn FDI đăng ký đạt 36,6 tỷ USD trong năm 2023, tăng 32,1% so với cùng kỳ năm trước, thể hiện niềm tin của nhà đầu tư vào triển vọng kinh doanh dài hạn tại Việt Nam.

Kinh tế Việt Nam vượt qua thách thức đạt mức tăng trưởng GDP 5% là nỗ lực rất lớn trong bối cảnh tình hình chung toàn cầu rất khó khăn, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, là mức tăng trưởng thấp

so với nhiều năm trước đây, gây ảnh hưởng tiêu cực tới ngành thép. Thị trường thép Việt Nam năm 2023 trầm lắng, sụt giảm kéo dài cả về giá và lượng. Các doanh nghiệp thép thu hẹp sản xuất, hiệu quả kinh doanh giảm sút, do ảnh hưởng của sự sụt giảm nhu cầu thép toàn cầu, suy thoái kinh tế và lạm phát của các thị trường lớn như Trung Quốc, Mỹ, EU... Trong nước, thị trường bất động sản đóng băng kể từ giữa năm 2022 đến nay, giá cả nguyên liệu sản xuất thép diễn biến phức tạp theo chiều hướng tiêu cực. Nhiều doanh nghiệp thép rơi vào tình trạng khó khăn thua lỗ. Sản xuất thép thô cả năm 2023 ước đạt khoảng 19 triệu tấn, giảm 5,4% so với năm trước. Sản xuất thép thành phẩm năm 2023 ước đạt hơn 27,7 triệu tấn, giảm 5,4% so với năm trước trong khi tiêu thụ thép ước đạt hơn 26,3 triệu tấn, giảm 3,5% so với năm 2022. Cụ thể, thép cuộn cán nóng HRC và tôn mạ ghi nhận mức tăng trưởng tiêu thụ lần lượt là 10% và 2%, trong khi các sản phẩm thép còn lại đều ghi nhận mức tăng trưởng âm, trong đó thấp nhất là sản lượng thép xây dựng chỉ đạt 87,8% so với năm trước. Xuất khẩu đạt gần 8,1 triệu tấn, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm trước, dẫn dắt bởi sự tăng trưởng mạnh của thép cuộn cán nóng.



Đánh giá về hoạt động của ban TGD và kết quả SXKD năm 2023

Trước hết, HĐQT nhận trách nhiệm về việc không hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2023 đồng thời đề Công ty ghi nhận một khoản lỗ lớn đến từ việc trích lập dự phòng các khoản phải thu chậm luân chuyển và hiệu quả kinh doanh cốt lõi kém. Năm 2023 là một năm rất khó khăn và thử thách đối với SMC, những ảnh hưởng của tình hình kinh tế chính trị, vĩ mô của thế giới và thị trường nội địa, cùng với những khó khăn chung của ngành và khó khăn riêng của SMC đã bào mòn lợi nhuận cũng như sức khỏe tài chính, sức khỏe sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm Soát đã phối hợp chặt chẽ, bám sát hoạt động của Công ty cùng với những diễn biến của thị trường để triển khai nhiều giải pháp điều hành linh hoạt và kịp thời, đưa ra các phương án giúp Doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn thử thách này. Tổng Giám Đốc và Ban điều hành thực hiện báo cáo đầy đủ và kịp thời về tình hình hoạt động SXKD trong các cuộc họp HĐQT, chủ động chia sẻ những khó khăn khách quan và chủ quan của Doanh nghiệp, từ đó đề xuất giải pháp cũng như xin ý kiến chỉ đạo và chủ trương của HĐQT.

Năm 2023, thị trường bất động sản đóng băng, trong khi lạm phát và lãi suất trên toàn thế giới không ngừng tăng mạnh và duy trì ở mức cao,

nhu cầu tiêu thụ thép chậm trong xu hướng liên tục đi xuống của giá thép, cộng thêm chi phí tài chính gồm lãi vay và tỷ giá tăng mạnh trong năm. Những thách thức và bất lợi của thị trường đã tạo ra nhiều yếu tố tác động làm cho kết quả SXKD năm 2023 của SMC gặp nhiều khó khăn. Tổng sản lượng tiêu thụ thép các loại của SMC năm 2023 chỉ đạt hơn 900 ngàn tấn, giảm 28% so với cùng kỳ, và hoàn thành 90% kế hoạch. Doanh thu hợp nhất 2023 đạt 13.702 tỷ đồng, giảm mạnh 41% so với năm trước, và chỉ đạt 67,3% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt mức âm 925 tỷ đồng, không hoàn thành mục tiêu đã đề ra, đồng thời là năm thứ 2 liên tiếp Công ty ghi nhận mức lỗ lớn trong hoạt động SXKD.

HĐQT đánh giá Ban TGD đã có chú trọng công tác quản trị giúp Công ty tiết giảm chi phí hoạt động SXKD, chi phí vận hành doanh nghiệp, chủ động sắp xếp và tổ chức lại các hoạt động gia công sản xuất nhằm đem lại hiệu quả cho Công ty. Ban TGD đã tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty, cũng như nỗ lực phấn đấu nhưng đã không thể hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ đề ra.

Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023

Trong năm 2023, SMC không đạt hiệu quả kinh doanh như kế hoạch đã đề ra, ghi nhận mức lỗ lớn, do đó không thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu. Vốn điều lệ và số lượng chứng khoán niêm yết của Công ty là không thay đổi so với năm trước.

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu trọng yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.000.000	909.000	90,9%
· Thép dài	Tấn	500.000	319.000	63,8%
· Thép tấm lá mạ ống	Tấn	500.000	590.000	118,0%
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	20.350	13.702	67,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	150,0	(925,3)	0%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	% mệnh giá	5%	0%	0%
Lựa chọn công ty kiểm toán	HĐQT lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TPHCM (AISC) thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023			

Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm 2023

Hiện HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC bao gồm 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên HĐQT độc lập và không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. HĐQT phối hợp cùng BKS và Ban Điều Hành tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường. HĐQT nắm bắt tình hình thị trường, vĩ mô, và tình hình Doanh nghiệp để đánh giá tác động và kết quả hoạt động SXKD của Công ty, kiểm tra giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết HĐQT, việc chấp hành và tuân thủ các quy định Pháp luật, quy định hiện hành của Nhà nước, quy định của các cơ quan quản lý chức năng và điều lệ Doanh nghiệp; từ đó xây dựng mục tiêu, phương hướng hoạt động phù hợp, và chính sách điều hành quản lý Doanh nghiệp linh hoạt theo những chuyển biến của thị trường. HĐQT phối hợp cùng Ban TGD đưa ra các giải pháp về việc thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thanh lý chuyển nhượng tài sản, các khoản đầu tư không hiệu quả, đầu tư tài chính, để từng bước giúp Công ty khắc phục những vấn đề về sức khỏe tài chính; tích cực làm việc với các đối tác là tổ chức tài chính, nhà cung cấp, và khách hàng để quyết liệt có các giải pháp xử lý các vấn đề khó khăn mà Doanh nghiệp đang đối mặt.

Thành viên và cơ cấu HĐQT

STT	Họ và Tên	Vị trí	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Chức vụ đang giữ tại công ty khác
1	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch	10.490.194	14,3	Chủ tịch tại các Đơn vị Thành viên có 100% vốn đầu tư từ Công ty mẹ SMC
2	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó CT	789.764	1,1	Phó TGD Khối Tài chính Kế toán SMC/ TV HĐQT CTCP Thép Nam Kim
3	Kishimoto Hideki	Thành viên	14.416.476	19,6	GĐ điều hành Cty TNHH Hanwa VN (đại diện phần sở hữu CP của Tập đoàn Hanwa)
4	Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên	3.469.480	4,7	Phó TGD thường trực SMC
5	Vũ Anh Nguyên	TV độc lập	0	0,00	TGD Cty Nội Thất và Trang trí Baya VN

Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2024

Chỉ đạo thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp mạnh mẽ và quyết liệt. Trong đó, chú trọng cơ cấu, sắp xếp lại các hoạt động thương mại, gia công, sản xuất kinh doanh, các nguồn vốn, các nguồn lực nhân sự và vận hành của Doanh nghiệp.

Đề cao và phát huy tính minh bạch trong mọi hoạt động của Công ty, phát huy tính trách nhiệm và đóng góp của các thành viên HĐQT và Ban TGD. Đặc biệt nâng cao tính minh bạch trong công tác quản trị vận hành doanh nghiệp và trách nhiệm quản lý rủi ro trong công tác bán hàng và thu hồi công nợ.

Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024 do ĐHĐCĐ thông qua, bám sát và triển khai quyết liệt, có hiệu quả các chủ trương, định hướng, nghị quyết của HĐQT.

Chuẩn hóa các quy trình làm việc đảm bảo tính tuân thủ các quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Nâng cao chất lượng quản trị, quản lý và vận hành các nhà máy khối gia công sản xuất an toàn, ổn định, tập trung nâng cao dịch vụ, chất lượng, và năng suất.

Thực hiện tiết kiệm chống lãng phí và phát huy văn hóa doanh nghiệp.

Các Nghị quyết HĐQT trọng yếu trong năm 2023

Ngày họp	Số Nghị Quyết	Nội dung chính
22.02.2023	55/56/57	- Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức, và các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 - Thông qua chủ trương ký các hợp đồng Nguyên tắc, mua bán, dịch vụ giữa các bên liên quan, các Công ty thành viên, liên doanh liên kết trong hệ thống SMC - Thống nhất bổ nhiệm chức danh GĐ/Người đại diện Pháp luật tại Công ty TNHH Gia Công Thép SMC Phú Mỹ đối với ông Nguyễn Quốc Thắng từ ngày 1/3/2023
23.03.2023	96/97	- Thông qua số liệu BCTC Kiểm toán năm 2022 - Thông qua việc thay đổi Người quản trị, Người được ủy quyền Công bố thông tin của CTCP Đầu tư Thương mại SMC là bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi thay cho ông Nguyễn Bình Trọng từ ngày 24/3/2023
24.04.2023	134	- Thông qua các báo cáo, tờ trình, và Nghị quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của CTCP Đầu tư Thương mại SMC
11.07.2023	189	- Thông qua việc giải thể Công ty TNHH SMC Châu Đức
07.08.2023	221	- Thông qua việc đăng ký giao dịch các Trái phiếu do SMC phát hành trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ
31.08.2023	243/244	- Thông qua kết quả HDSXKD trong 6 tháng đầu năm 2023. - Thống nhất mục tiêu HDSXKD trong 6 tháng cuối năm 2023 - Thông qua việc đề nghị VSD CN TPHCM tiến hành điều chỉnh chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện cho sổ cổ phiếu ESOP đã phát hành năm 2022 vào ngày 3/10/2023
04.10.2023	297	- Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty, cập nhật thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty là 681 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, TPHCM
18.10.2023	312	- Thông qua chủ trương thu hẹp hoạt động SXKD, nhân sự trong toàn hệ thống SMC, tiết giảm tối đa các chi phí vận hành Doanh nghiệp.
14.11.2023	358	- Thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê, vật dụng, kiến trúc trên đất tại SMC Bình Dương, KCN Đồng An, huyện Thuận An, Bình Dương.
29.12.2023	418/419/420/422	- Thông qua kế hoạch kinh doanh của hệ thống SMC trong năm 2024 - Thông qua các nội dung dự kiến trình ĐHĐCĐ năm 2024 - Thông qua phương án mua lại trái phiếu trước hạn do SMC đã phát hành riêng lẻ năm 2021 - Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó TGD khối Hành chính Nhân sự với ông Nguyễn Văn Tiến, từ ngày 2/1/2024.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



01

MR. ĐẶNG HUY HIỆP

Tổng Giám Đốc
Năm sinh: 1961
Trình độ chuyên môn:
 Kỹ sư Cơ khí



02

MR. NGUYỄN BÌNH TRỌNG

Phó TGD Thường trực
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn:
 Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành Tài Chính Kế Toán



03

MS. NGUYỄN HỒNG CHÂU

Phó TGD Khối Thương mại – Dự Án
Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn:
 Cử nhân Ngoại Thương



04

MR. NGUYỄN VĂN TIẾN

Phó TGD Khối Hành Chính – Nhân Sự
Năm sinh: 1953
Trình độ chuyên môn:
 Cử nhân chuyên ngành Xã Hội Học



05

MS. NGUYỄN NGỌC Ý NHI

Phó TGD Khối Tài chính Kế toán
Năm sinh: 1983
Trình độ chuyên môn:
 Thạc sỹ Kinh tế Tài chính



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Năm 2023 tiếp tục là một năm đặc biệt khó khăn đối với ngành thép khi vẫn còn phải đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức về nguy cơ suy thoái kinh tế tiềm ẩn. Sự mở cửa trở lại của Trung Quốc và xây dựng phát triển tại Ấn Độ khiến nhu cầu nguyên liệu sản xuất thép như quặng sắt, than cốc, thép phế liệu tích cực hơn trước, kéo theo đà tăng của giá thép. Tuy nhiên, tốc độ tăng giá của thép thành phẩm không đồng pha với mức tăng của nguyên liệu sản xuất thép. Sự phục hồi của giá thép thành phẩm khá yếu ớt khi nó chưa thực sự xuất phát từ lực đẩy nhu cầu tiêu thụ.

Suy thoái kinh tế, lạm phát, và lãi suất cao góp phần chính vào việc hạn chế nhu cầu tiêu thụ sắt thép. Sự bất ổn và đóng băng của thị trường BĐS cũng làm giảm nhu cầu trong nước đối với các sản phẩm thép. Tiến độ của các dự án BĐS bị ảnh hưởng do vấn đề thanh khoản, nguồn vốn và pháp lý của chủ đầu tư, trong khi kênh tiêu thụ dân dụng cũng bị ảnh hưởng bởi sự

suy giảm của nền kinh tế nói chung. Thị trường xuất khẩu chịu ảnh hưởng do suy thoái kinh tế toàn cầu khiến ngành thép nhìn chung kém tích cực. Bên cạnh đó, hoạt động của những ngành công nghiệp chế tạo sản xuất sử dụng thép cũng bị hạ nhiệt do đầu tư và tiêu dùng suy yếu. Các giải pháp mạnh mẽ trong việc đẩy mạnh đầu tư công có lẽ là điểm sáng hiếm hoi trong bức tranh ngành năm 2023.

Năm 2023, mặt bằng lãi suất trong nước dần hạ nhiệt nhưng vẫn còn cao, khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp ở mức thấp, thị trường vốn và thị trường trái phiếu vẫn còn yếu, chi phí đầu vào vẫn ở mức cao trong khi thị trường đầu ra khó khăn, nhu cầu tiêu thụ chậm. Trong bối cảnh đó, cùng những khó khăn phát sinh từ các khoản nợ chậm luân chuyển của các khách hàng lớn thuộc nhóm xây lắp và BĐS, tình hình hoạt động và hiệu quả SXKD của SMC bị ảnh hưởng nặng nề.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2023	Tăng/giảm %	KH 2023	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.253.789	909.000	-27,5%	1.000.000	90,9%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	23.182	13.702	-40,9%	20.350	67,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(651,8)	(925,3)	n.a	150,0	0%

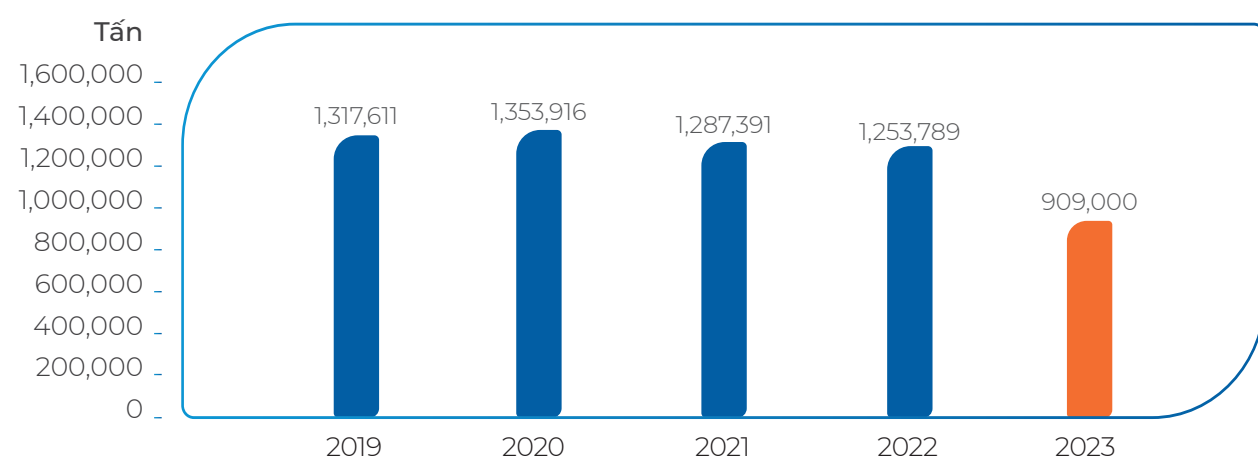
Kết thúc năm 2023, sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống đạt hơn 900 ngàn tấn thép các loại, giảm 27,5% so với cùng kỳ và chỉ bằng 91% mục tiêu kế hoạch sản lượng đặt ra. Doanh thu thuần đạt 13.702 tỷ đồng, tương ứng chỉ bằng 67% kế hoạch năm, và giảm mạnh 41% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế 2023 không đạt mục tiêu đã đề ra, mà ghi nhận khoản lỗ lớn nhất từ trước đến nay là âm 925 tỷ đồng, trong đó bao gồm hơn 500 tỷ đồng chi phí dự phòng cho các khoản phải thu tổn đọng, gây thiệt hại lớn về mặt tài chính và hiệu quả kinh doanh của Doanh nghiệp.



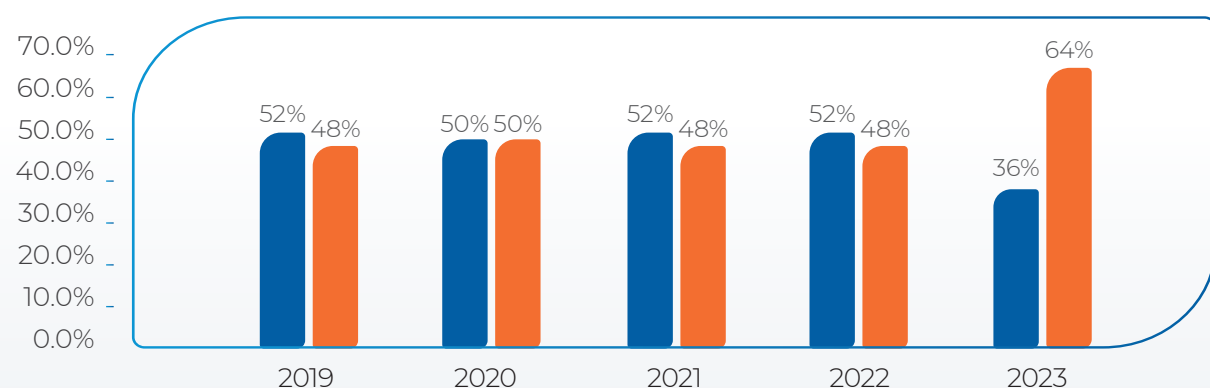
Tình hình tài chính trọng yếu năm 2023

Tổng sản lượng tiêu thụ thép dài năm 2023 là 319.238 tấn thép các loại, giảm mạnh 51,3% so với năm trước, và chỉ chiếm 36,3% tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống. Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm thuộc nhóm thép dẹt năm 2023 là 590.542 tấn thép các loại, giảm 6,2% so với năm trước, chiếm 63,7% tổng sản lượng tiêu thụ thép của SMC. Khó khăn và sự đình trệ của thị trường xây dựng và BĐS thể hiện rõ nét trong sự suy giảm mạnh về sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của SMC. Trong khi đó, các hoạt động gia công sản xuất thép dẹt của SMC cũng bị ảnh hưởng không nhỏ với lượng tiêu thụ giảm so với năm trước đó, tuy nhiên Công ty tích cực đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh thép dẹt, đảm bảo duy trì sản lượng, doanh thu và tỷ trọng thép dẹt so với sự sụt giảm mạnh của thép xây dựng.

Tổng Sản lượng thép tiêu thụ 2019 – 2023



Cơ cấu Sản lượng tiêu thụ thép các loại 2019 – 2023



■ Thép Dài ■ Thép Dẹt (*) Thép dài = Thép xây dựng + Thép hình + Thép khác
 (*) Thép dẹt = Thép cán nóng + Thép lá mạ + Thép ống

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2022	2023	Tăng/giảm %
Tổng sản lượng xuất khẩu	Tấn	117.183	73.006	-37,7%
Tổng sản lượng nhập khẩu	Tấn	253.957	164.796	-35,1%
SLXK / Tổng SL thép tiêu thụ	%	9,3	8,0	-1,3%



Tổng sản lượng xuất khẩu của SMC năm 2023 là 73.000 tấn thép các loại, giảm mạnh gần 38% so với năm trước và chiếm 8% tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống. Khó khăn về kinh tế chính trị, và nhu cầu tiêu thụ yếu toàn cầu tiếp tục làm cho sản lượng xuất nhập khẩu của SMC giảm mạnh so với các năm trước đó. Thị trường xuất khẩu chính của SMC vẫn là Campuchia với tỷ trọng gần 69% tổng sản lượng xuất khẩu. Tổng sản lượng thép nhập khẩu các loại là gần 165.000 tấn trong năm 2023, giảm 35% so với năm trước.

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2022	2023	Tăng/giảm %
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	23.181,6	13.701,6	-40,9%
Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh				
Chi phí Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	23.219,2	13.640,0	-41,3%
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	209,8	122,8	-41,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	123,4	623,2	+405%
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	367,9	340,1	-7,6%
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	240,9	265,6	+10,3%
Chi phí bán hàng/Doanh thu	%	0,9	0,9	+0,0%
Chi phí QLDN/Doanh thu	%	0,5	4,5	+4,0%
Chi phí tài chính/Doanh thu	%	1,6	2,5	+0,9%
Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	(37,6)	61,6	n.a
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	117,6	117,0	-0,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(590,9)	(912,8)	n.a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(651,8)	(925,3)	n.a
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu	%	-0,16	0,45	n.a



BÁO CÁO

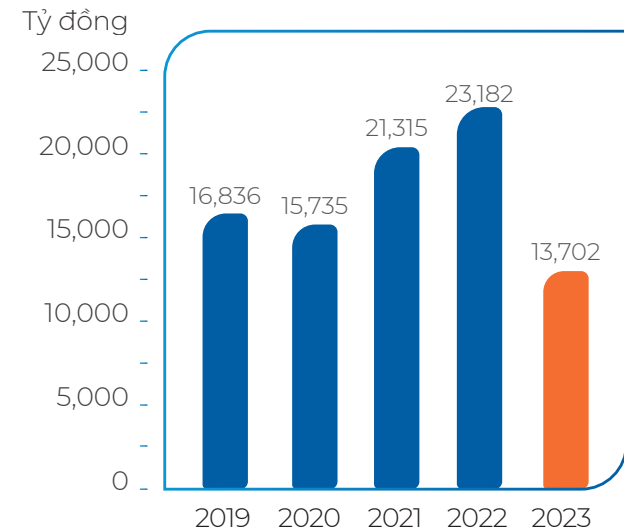
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



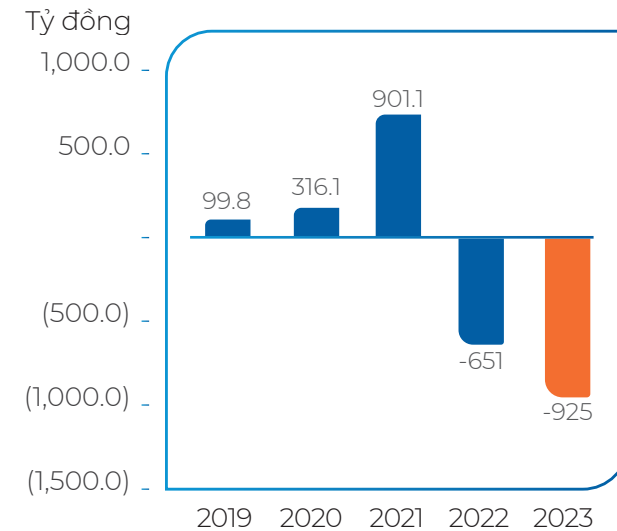
Doanh thu bán hàng năm 2023 đạt 13.702 tỷ đồng, giảm mạnh 41% so với cùng kỳ. Trong đó ghi nhận việc giảm sút mạnh ở cả sản lượng tiêu thụ và giá bán bình quân so với năm trước. Với tỷ trọng phân khúc thương mại thép xây dựng chiếm hơn 50% hoạt động của cả group, sự giảm tốc của nền kinh tế kéo theo nhu cầu chững lại, các công trình

xây dựng đình trệ, và khủng hoảng BĐS tiếp tục kéo dài từ giữa năm 2022 đến nay, đã giáng đòn nặng nề vào hoạt động SXKD của Công ty. So với việc kinh doanh dưới giá vốn trong năm 2022, lợi nhuận gộp năm 2023 của toàn hệ thống đạt 61,6 tỷ đồng với tỷ suất biên lợi nhuận gộp là 0,45%.

Doanh thu bán hàng 2019 – 2023



Lợi nhuận sau thuế 2019 – 2023



Chi phí bán hàng năm 2023 giảm gần 42% yoy, tương ứng với mức giảm của doanh thu tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ, do đó tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu được duy trì ở mức tương đương với năm 2022 là 0,9%. Tuy nhiên, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh gấp 4 lần so với năm trước đó lên hơn 623 tỷ đồng, bao gồm hơn 500 tỷ chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi, và góp phần là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc Công ty ghi nhận khoản lỗ lớn trong năm 2023.

Tuy thị trường tài chính quốc tế chịu nhiều áp lực khi lạm phát và lãi suất tiếp tục duy trì ở mức cao trong năm 2023, NHNNVN đã thực

hiện nhiều chính sách điều hành hướng đến việc hỗ trợ nguồn vốn và giảm chi phí vốn cho doanh nghiệp và thị trường. Tuy nhiên, chi phí tài chính bao gồm lãi vay và tỷ giá vẫn neo cao trong suốt nửa đầu năm 2023 và chỉ thực sự phát huy tác dụng trong những tháng cuối năm. Do đó, tổng chi phí tài chính của SMC năm 2023 vẫn duy trì ở mức rất cao trong khi doanh thu hoạt động và nguồn vốn vay phục vụ kinh doanh ghi nhận mức giảm đáng kể so với năm 2022. Cụ thể, tổng chi phí tài chính SMC năm 2023 giảm nhẹ 7,6% trong khi tính riêng chi phí lãi vay ghi nhận mức tăng 10% so với cùng kỳ. Kết thúc năm 2023, LNST hợp nhất gánh chịu mức lỗ lớn là âm 925 tỷ đồng.

Cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2022	2023	Tăng/giảm %
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	6.272,9	3.981,9	-36,5%
Tiền mặt	Tỷ đồng	813,9	669,7	-17,7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	686,7	488,6	-28,8%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	2.931,9	1.647,7	-43,8%
Vòng quay phải thu người mua	Ngày	47	53	+12,8%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	1.564,8	841,4	-46,2%
Vòng quay hàng tồn kho	Ngày	25	23	-8,0%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	2.056,2	2.196,8	+6,8%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	1.218,7	1.451,4	+19,1%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	8.329,1	6.178,7	-25,8%

Tổng tài sản SMC kết thúc năm 2023 là gần 6.179 tỷ đồng, giảm 26% so với cùng kỳ năm trước. Tổng tài sản ngắn hạn là 3.982 tỷ đồng, giảm mạnh 36,5% so với năm 2022, tương ứng giảm hơn 2.290 tỷ đồng. Trong đó, tiền mặt và đầu tư tài chính ngắn hạn cuối kỳ là 1.158 tỷ đồng, giảm 23% so với năm trước. Các khoản phải thu ngắn hạn của SMC cuối năm 2023 là 1.648 tỷ đồng, giảm mạnh gần 44% so với cùng kỳ, trong đó đã

phản ánh việc trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi là hơn 550 tỷ đồng. Việc khó khăn bắt nguồn từ thị trường BĐS xây dựng đóng băng kéo dài, dẫn đến công nợ chậm luân chuyển của các khách hàng lớn trong mảng này, từ đó kéo theo việc SMC phải thực hiện tăng trích lập dự phòng. Tài sản dài hạn SMC cuối năm 2023 đạt gần 2.197 tỷ đồng, tăng gần 7% so với năm trước, trong đó tài sản cố định tăng hơn 230 tỷ đồng.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cơ cấu Nợ và Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2022	2023	Tăng/giảm %
Nợ phải trả ngắn hạn	Tỷ đồng	5.992,5	5.007,0	-16,4%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	3.004,1	2.685,5	-10,6%
Phải trả người bán	Tỷ đồng	2.676,4	2.009,8	-24,9%
Vòng quay phải trả người bán	Ngày	42	54	+28,6%
Nợ phải trả dài hạn	Tỷ đồng	613,6	373,9	-39,1%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Tỷ đồng	571,4	331,8	-41,9%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	6.606,0	5.380,9	-18,5%
Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.723,1	797,8	-53,7%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	736,8	736,8	+0,0%
Nợ vay Tài chính/ Tổng VCSH	%	207,5	378,0	+170,5%
Tổng nợ phải trả/ Tổng VCSH	Lần	3,8	6,7	+76,0%

Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2023 của Công ty là 5.381 tỷ đồng, giảm gần 19% so với năm trước. Nợ phải trả ngắn hạn toàn hệ thống đạt 5.007 tỷ, giảm 16% so với cùng kỳ. Trong đó dư nợ vay ngân hàng ngắn hạn và phải trả người bán tương ứng là 2.686 tỷ (-11% yoy) và 2.010 tỷ (-25% yoy). Nợ phải trả dài hạn của SMC cuối năm 2023 giảm 39% chủ yếu là giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn khoảng gần 40 tỷ đồng và trái phiếu 200 tỷ đồng. Kết thúc năm 2023, Công ty đã không đạt được mục tiêu kinh doanh đề ra, do đó không thể thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu. Vốn điều lệ Công ty tại thời điểm cuối năm là không đổi ở mức 736,8 tỷ đồng. Tuy nhiên do ghi nhận mức lỗ kinh doanh lớn, tổng VCSH của doanh nghiệp cuối năm 2023 giảm mạnh gần 54%, làm cho chỉ số tài chính về nợ vay và tổng nợ phải trả trên tổng VCSH tăng nhiều so với các chỉ số của năm trước.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kế hoạch và mục tiêu phát triển năm 2024

Bước sang năm 2024, ba từ khóa “rủi ro, bất định, thận trọng” vẫn tiếp diễn khiến kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm hơn khoảng 2,4%; chủ yếu do Mỹ và Trung Quốc dự kiến tăng trưởng chậm lại. Theo các chuyên gia, năm 2024 sẽ tiếp nối với những thách thức do xung đột địa chính trị và sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nguy cơ lạm phát vẫn tiềm ẩn, trong khi thị trường trong nước vẫn còn yếu. Tuy nhiên, những điểm sáng của nền kinh tế trong năm 2023, những động lực cho tăng trưởng hiện nay sẽ tạo đà tăng trưởng cho năm 2024 và các năm tiếp theo. Triển vọng cho năm 2024, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ phục hồi tốt hơn với mức tăng trưởng GDP mục tiêu là 6%-6,5%. Lạm phát bình quân của Việt Nam năm 2024 được kỳ vọng ở mức 4%. Để đạt được mục tiêu này, cần phải chú trọng các động lực tăng trưởng truyền thống như đẩy mạnh đầu tư công, kích cầu tiêu dùng nội địa, thúc đẩy tăng trưởng các đầu tàu kinh tế... đồng thời khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới như kinh tế số, nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế và chính sách, tạo điều kiện, môi trường tốt nhất cho các thành phần của nền kinh tế đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân. Việc cập nhật và nắm bắt rõ nét hơn bối cảnh quốc tế mới cũng như các xu hướng thương mại và đầu tư trên toàn cầu là cơ sở quan trọng để xác định và tập trung nguồn lực thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng cho kinh tế Việt Nam năm 2024 và các năm tiếp theo.

Theo Worldsteel, ước tính nhu cầu thép toàn cầu trong năm 2024 sẽ tăng trưởng ở mức 1,9%. Dựa trên độ trễ của chính sách thắt chặt tiền tệ, nhu cầu thép năm 2024 có thể phục hồi chậm ở các nền kinh tế tiên tiến và dự kiến sẽ tăng trưởng nhanh hơn ở các nền kinh tế mới nổi. Theo đánh giá của Hiệp Hội Thép VN, ngành thép trong nước có khả năng phục hồi yếu trong năm 2024 do các khó khăn của thị

trường BĐS vẫn còn hiện hữu. Thị trường xuất khẩu bị ảnh hưởng bởi chính sách phòng vệ thương mại của các nước trong khi thị trường nội địa chịu áp lực lớn hơn từ thép nhập khẩu có nguồn gốc Trung Quốc và Asean. Ngành thép năm 2024 được nhận định bước vào giai đoạn phục hồi nhưng chậm chạp, động lực cho giá thép hiện tại hầu như chỉ đến từ việc chi phí sản xuất tăng, đặc biệt là giá điện và giá nguyên liệu đầu vào sản xuất thép, chưa thực sự bắt nguồn từ nhu cầu tích cực trở lại. Tiêu thụ thép Việt Nam được dự báo sẽ đạt mức tăng là 7% so với mức tăng trưởng âm của năm 2023. Đầu tư công và nguồn lực FDI tiếp tục được kỳ vọng sẽ là một trong những nhân tố chính thúc đẩy tăng trưởng cho ngành thép nội địa năm 2024.



Các chỉ tiêu và định hướng kinh doanh chủ yếu cho năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	KH 2023/TH 2022
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	909.000	900.000	-1,0%
	- Thép dài	Tấn	319.000	350.000	+9,7%
	- Thép dẹt	Tấn	590.000	550.000	-6,7%
2	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	13.702	13.500	-1,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(925,3)	80,0	n.a
4	Cổ tức	% mệnh giá	0%	0%	0%

Việc điều hành quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của SMC sẽ dựa trên các định hướng chính sau:

- Toàn hệ thống SMC cần linh hoạt thích ứng nhanh nhất với tình hình mới và các biến động của thị trường, đẩy mạnh đảm bảo hoạt động SXKD ổn định và có hiệu quả.
- Quản trị tồn kho và mua hàng trên nguyên tắc cần trọng, phù hợp, linh hoạt, dự trữ tồn kho tối ưu bám sát với diễn biến của thị trường. Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh chú trọng cả về chất và lượng, kết hợp tăng cường quản trị kiểm soát các khoản phải thu và rủi ro công nợ.
- Tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất làm việc, và hiệu suất sản xuất. Tiếp tục phấn đấu quản trị cải thiện chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh toàn hệ thống. Chú trọng công tác an toàn lao động tại tất cả các nhà máy gia công sản xuất của hệ thống.
- Tiếp tục rà soát cập nhật lại các quy định, quy trình cho phù hợp với tình hình mới, phân định trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị, bộ phận và nhấn mạnh công tác kiểm soát nội bộ.
- Duy trì và phát triển tốt năng lực tài chính phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành doanh nghiệp. Nâng cao năng lực quản lý rủi ro và giám sát tài chính trong toàn hệ thống, đảm bảo an toàn và gia tăng hiệu quả sử dụng vốn. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- Duy trì ổn định hoạt động xuất nhập khẩu phục vụ cho yêu cầu của kinh doanh và sản xuất gia công chế biến.



BAN KIỂM SOÁT



BAN KIỂM SOÁT



01

MS. VÕ THỊ TỐ NGÂN

Thành viên BKS

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế

MS. LÊ THỊ CẨM TÚ

Thành viên BKS

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Luật



02

MS. ĐẶNG THỊ THU TRANG

Thành viên BKS

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế



03

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Dù đại dịch Covid đã chính thức kết thúc nhưng năm 2023 nền kinh tế toàn cầu bước vào thời kỳ khó khăn, chiến tranh Nga - Ukraina chưa chấm dứt thế giới lại đón nhận thêm cuộc chiến ở dải Gaza đã gây biến động về tình hình tài chính cũng như giá cả hàng hóa toàn cầu. Là một trong những quốc gia chuyên gia công cho các nền kinh tế lớn của thế giới, Việt Nam cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các công ty rất khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và ngành Thép cũng không ngoại lệ khi nhu cầu giảm mạnh, nhất là trong tình hình ngành bất động sản gần như đóng băng. Các chính sách thắt chặt tiền tệ tín dụng đã gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp. Điều này đã tác động rất lớn đến SMC vì vậy HĐQT, Ban điều hành, và toàn bộ CBCNV Công ty đã cố gắng rất nhiều để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2023, BKS kết hợp với Ban kiểm toán nội bộ đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty thông qua các hoạt động như sau:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT trong năm 2023.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của cơ quan quản lý và điều lệ hoạt động của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban TGD.
- Thông qua cuộc họp hàng tháng của Ban lãnh đạo công ty, BKS sẽ bám sát kiểm tra tính thực hiện và tuân thủ tại các công ty thành viên, và việc triển khai thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.



www.smc.vn

43

42

Báo cáo
thường niên 2023



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Ban kiểm soát đánh giá, HĐQT cũng đã nhận ra tình hình và đưa các quyết định phù hợp như:

□ Thông qua chủ trương thu hẹp hoạt động SXKD, nhân sự trong toàn hệ thống, tiết giảm các khoản chi phí phát sinh.

□ Thống nhất chủ trương chuyển nhượng các tài sản, dự án, nhà máy chưa đem lại hiệu quả để mang lại dòng tiền cho Doanh nghiệp.

□ Bổ sung, thay đổi các thành viên Ban Tổng giám đốc SMC, người công bố thông tin và Ban điều hành các Công ty thành viên để phù hợp tình hình quản trị mới.

□ Thông qua các chủ trương điều hành để phù hợp với tình hình của Doanh nghiệp như điều chỉnh mục tiêu SXKD, cơ cấu lại nguồn vốn vay bằng trái phiếu.

□ Năm 2023 HĐQT đã thực hiện hoàn thành các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao theo đúng quy định. Giữa BKS, HĐQT và Ban TGD luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tất cả các cuộc họp của HĐQT đều có BKS tham dự, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai, đúng quy định. Tuy nhiên, BKS đánh giá, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, chưa phát huy hết vai trò của thành viên HĐQT độc lập, chưa tham gia sâu vào công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên hoạt động của Ban điều hành để đề xuất Hội đồng đưa ra các quyết sách kịp thời, hiệu quả hơn, giảm thiểu các rủi ro của Doanh nghiệp.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TGD

Ban TGD đã điều hành toàn hệ thống SMC một cách thống nhất, tập trung và ổn định, đúng theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty.

Năm 2023, sản lượng tiêu thụ thép các loại tại SMC là 909.000 tấn thép các loại, đạt được 91% kế hoạch được giao. Doanh thu bán hàng đạt 13.702 tỷ đồng, bằng 67% kế hoạch. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 ghi nhận lỗ 925 tỷ đồng. Nguyên nhân:

□ Trích lập dự phòng cho khoản phải thu hơn 1.300 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2023 SMC đã trích lập dự phòng 550 tỷ đồng. Nợ chậm luân chuyển tập trung nhiều ở khách hàng thuộc Group Nova. Ban quản lý rủi ro và Ban điều hành cần xem xét, đánh giá nghiêm túc quy trình bán hàng, xem quy trình có tiến hành đúng với trình tự hay không, trách nhiệm của người phụ trách trực tiếp khách hàng. Việc cấp hạn mức công nợ quá lớn cho một khách hàng đã tạo nên rủi ro rất cao cho Doanh nghiệp.

□ Công tác tư vấn đầu tư chưa phù hợp. Năm 2022, SMC đầu tư các dự án nhưng do điều kiện thị trường và thời điểm không thuận lợi đã không đem lại hiệu quả mà còn làm căng thẳng nguồn vốn cho năm 2023. Cụ thể như giai đoạn 2 SMC Đà Nẵng, SMC Tân Tạo 2, Dự án 4,1 ha (Sendo 2 và Thiết Bị Tự Động), và SMC Châu Đức (đã giải thể).

□ Từ đầu năm 2023, hoạt động sản xuất gia công đã có dấu hiệu sụt giảm dẫn đến chi phí vốn cao, hiệu quả thấp.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ KQ HĐSX KD CỦA CÔNG TY

Về tình hình của Doanh nghiệp: nối tiếp khó khăn với khoản lỗ lớn của năm 2022, năm 2023 SMC tiếp tục ghi nhận số liệu kinh doanh âm nặng, thiếu hụt nghiêm trọng nguồn vốn hoạt động do:

- Giá thép giảm liên tục sau khi đạt mức đỉnh 720 USD/tấn vào đầu tháng 4 cho đến tháng 12 mới có dấu hiệu phục hồi, kết quả là lượng thép dài kinh doanh của SMC chỉ đạt 46% và thép dẹt chỉ đạt 74% so với năm 2022.
- Các dự án đầu tư mới không khai thác được hiệu quả do tình hình thị trường ảm đạm cũng ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn vốn.
- Do ảnh hưởng dây chuyền khi ngành BĐS trì trệ, nhiều công ty xây lắp và chủ đầu tư BĐS gặp khó khăn từ đó kéo theo công nợ xấu tăng cao và kéo dài cho Doanh nghiệp.
- Vì các yếu tố không thuận lợi trên nên nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức tín dụng cũng bị thắt chặt hơn, gây nhiều khó khăn cho hoạt động SXKD của SMC.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.000.000	909.000	90,9%
· Thép dài	Tấn	500.000	319.000	63,8%
· Thép tấm lá mạ ống	Tấn	500.000	590.000	118,0%
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	20.350	13.702	67,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	150,0	(925,3)	n.a

- Ngày 18/10/2023 SMC đã ra nghị quyết về việc thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh, cắt giảm nhân sự trong toàn hệ thống
- Ngày 14/11/2023 ban hành nghị quyết chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại SMC Bình Dương – KCN Đồng An.
- Ngày 15/01/2024 ban hành nghị quyết chuyển nhượng đất tại SMC Tân Tạo 2 – KCN Tân Tạo, TPHCM
- Tính đến 31/12/2023, tổng số lượng nhân sự của SMC là 934 người, giảm 465 nhân sự tương ứng 33% so với năm 2022.





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

KẾ HOẠCH CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

Phối hợp với ban Kiểm toán nội bộ thực hiện các công việc như sau:

- Kiểm tra, xem xét các vấn đề trọng yếu (nếu có) trong báo cáo kiểm toán giữa kỳ và cuối kỳ.
- Kiểm tra các hoạt động thu chi tiền mặt (dịch vụ mua ngoài) tại Tổng công ty và các Công ty Thành viên.
- Kiểm tra tính tuân thủ và hiệu quả hoạt động tại các Công ty Thành viên thông qua quy trình đặt hàng, nhập hàng và trả hàng, chu kỳ luân chuyển hàng tồn kho và có đánh giá nhà cung cấp, quy trình bán hàng, xuất hàng và nhận hàng bán trả lại, công nợ và xem xét nguyên tắc bán nợ.

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Với tình hình khó khăn của nền kinh tế cũng như của SMC hiện nay, BKS đề nghị:

- Củng cố toàn bộ hệ thống, đội ngũ lãnh đạo và CBCNV với tinh thần đa năng đa nhiệm để bộ máy vận hành tinh gọn nhất.
- Bám sát chi phí nhằm đưa giá thành về mức hợp lý nhất đem lại hiệu quả cao nhất.
- Đối với các dự án đầu tư tương lai cần có kế hoạch chi tiết nhất với sự phối hợp giữa các phòng ban. Ban Tổng Giám đốc cần thường xuyên đánh giá lại để có những phương án phù hợp đem lại hiệu quả.
- Tiếp tục rà soát và thanh lý đối với những dự án không đem lại hiệu quả nhằm giảm bớt gánh nặng về chi phí cũng như bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh đang hiệu quả.
- Xem xét lại quy trình bán hàng, quy trình cấp hạn mức cho khách hàng, quy trình quản lý rủi ro công nợ.
- Gắn liền việc kiểm điểm trách nhiệm đối với nhân viên kinh doanh và quản lý trong việc để phát sinh nợ xấu.



1. Quản trị rủi ro

Rủi ro kinh tế vĩ mô và Rủi ro ngành

Năm 2023 xuất hiện những rủi ro mới mang tính chất vĩ mô và các thay đổi có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội, kinh tế chính trị toàn cầu. Từ chiến tranh Nga-Ukraina và ảnh hưởng hậu Covid, làn sóng lạm phát tăng cao khắp toàn cầu đã gây tổn thương cho hầu hết tất cả các nền kinh tế; lãi suất và tỷ giá liên tục biến động mạnh, nhu cầu tiêu dùng và giá cả hàng hóa rơi dốc nhanh chóng. Đặc biệt đối với ngành thép, rủi ro và ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô, bất ổn kinh tế chính trị trên toàn cầu và yếu tố ngành càng rõ nét, đặt các doanh nghiệp thép trong bối cảnh phải đối đầu với nhiều khó khăn chưa từng có. Lạm phát gia tăng đẩy chi phí đầu vào, chi phí vận hành chung, chi phí tài chính của doanh nghiệp tăng cao, trong khi đó giá thép và nhu cầu tiêu thụ thép liên tục giảm mạnh trong cả năm 2023, ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ suất lợi nhuận cũng như hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp thép. Trong nước, thị trường BĐS đóng băng hoàn toàn cùng với những khó khăn từ thị trường vốn, dẫn đến vô vàn khó khăn về nhu cầu tiêu thụ thép và sự luân chuyển của dòng tiền và hiệu quả trong hoạt động SXKD cho doanh nghiệp thép.

Rủi ro chính sách và Rủi ro pháp luật

Các chính sách trọng yếu trong việc điều hành phát triển kinh tế chính trị có ảnh hưởng nhất định đến các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đó. Sự thay đổi các chính sách về tài khóa, chính sách tiền tệ tín dụng, chính sách thuế, chính sách quản lý bình ổn giá cả hàng hóa, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sau đại dịch Covid... có thể đem đến những thuận lợi cũng như rủi ro về chính sách và pháp lý cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện và áp dụng. Việc đồng bộ hóa chính sách, kịp thời nhận diện và tìm kiếm giải pháp hạn chế rủi ro phát sinh của chính sách sẽ giúp cho doanh nghiệp yên tâm phát

triển. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng phải liên tục cập nhật các chính sách quan trọng, có liên quan trực tiếp đến hoạt động SXKD của mình để triển khai kịp thời và thực hiện một cách có hiệu quả các chính sách của nhà nước. Bên cạnh việc liên tục đào tạo bồi dưỡng nhân sự nhằm đảm bảo tuân thủ và chuẩn bị đầy đủ các thủ tục pháp lý pháp chế có liên quan, Công ty cũng linh hoạt sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Rủi ro tài chính tín dụng

Ngành thép là một trong những ngành có tỷ lệ vốn vay chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn của các doanh nghiệp. Nguồn vốn đáp ứng cho nhu cầu đầu tư phát triển mới và cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí lãi vay, và biến động tỷ giá khó lường sẽ là các yếu tố về tài chính tín dụng gây khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Năm 2023 là một năm có nhiều biến động mạnh trên thị trường tài chính tiền tệ trong và ngoài nước. Hoạt động của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khi nguồn vốn tín dụng bị thắt chặt và cắt giảm. Việc thủ thách và đòi hỏi các doanh nghiệp ngành thép phải chủ động hơn về nguồn vốn tự có, sắp xếp lại cơ cấu nợ và vốn để tiết giảm chi phí tài chính, đồng thời đa dạng hóa các nguồn tài trợ vốn với chi phí tối ưu cho nhu cầu hoạt động kinh doanh và phát triển của doanh nghiệp. Việc giám sát và triển khai chính sách mua hàng, tồn kho, bán hàng, và thu hồi công nợ cũng cần được quản lý chặt chẽ nhằm đảm bảo dòng tiền tích cực từ hoạt động kinh doanh bổ sung cho nguồn vốn. Các biện pháp phòng ngừa biến động tỷ giá bằng các hợp đồng tương lai mua bán ngoại tệ được tận dụng đúng thời điểm và hiệu quả, đóng góp phần nào vào việc tiết giảm chi phí tài chính cho doanh nghiệp.



Rủi ro khác

Các rủi ro mang tính chất bất khả kháng và khó lường như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, rủi ro địa chính trị... nếu xảy ra sẽ có tác động đến tình hình SXKD của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

Năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, mặc dù đã có dấu hiệu phục hồi trong 06 tháng cuối năm, nhưng sự phục hồi này diễn ra không đồng đều giữa các ngành và các nền kinh tế. Ngành sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn, đình trệ, gia tăng số lao động bị mất việc làm; tỷ lệ nợ xấu cao và thị trường bất động sản tiếp tục gặp nhiều thách thức. Hoạt động sản xuất kinh doanh của SMC cũng không nằm ngoài tình hình chung của nền kinh tế thế giới và trong nước, doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2023 và các hoạt động nhân sự của hệ thống cũng chịu nhiều ảnh hưởng.

Mặc dù trong giai đoạn rất khó khăn, nhưng

toàn thể CBNV toàn hệ thống vẫn đồng hành cùng Ban Lãnh đạo SMC, đã và đang đoàn kết cùng nhau vượt qua những khó khăn và tiếp tục đương đầu với những thử thách khắc nghiệt trong tương lai. Đội ngũ CBNV hệ thống SMC vẫn đang tích cực làm việc, cố gắng nỗ lực, cống hiến và phát huy hết khả năng, vai trò, trách nhiệm của mình trong công việc, với niềm tin rằng SMC chắc chắn sẽ vượt qua khó khăn thử thách trong hiện tại để tiếp tục đứng vững trên thương trường.

Trong năm 2023, với chỉ đạo “thu hẹp hoạt động SXKD toàn hệ thống” từ Ban Điều hành SMC nhằm giảm bớt gánh nặng chi phí cho hoạt động của doanh nghiệp trong tình hình mới; SMC đã thực hiện sắp xếp và xây dựng lại cơ cấu tổ chức nhân sự trong toàn hệ thống, mục đích giữ vững lực lượng nhân sự nòng cốt, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, khuyến khích nhân sự đa năng đa nhiệm, đáp ứng được nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và phát huy tối đa hiệu quả của nguồn nhân lực hiện hữu.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Những điểm nhấn trong công tác Nhân sự năm 2023:

Tháng 04/2023: điều chỉnh thu nhập Khối Sản xuất toàn hệ thống SMC

SMC tiến hành điều chỉnh Thang Bảng lương (TBL) Khối Sản xuất và điều chỉnh thu nhập CBNV Khối Sản xuất Hệ thống SMC theo quy chế Điều chỉnh thu nhập CBNV Khối Sản xuất đã được ban hành: điều chỉnh lương cơ bản theo TBL mới và theo thâm niên, điều chỉnh các loại phụ cấp theo quy chế: phụ cấp thâm niên, phụ cấp năng lực, đảm bảo mức độ phù hợp, tính cạnh tranh trên thị trường lao động và các công ty trong cùng lĩnh vực.

Phối hợp cùng Ban Cải tiến phát động phong trào cải tiến trong toàn hệ thống:

Phong trào cải tiến đã phát huy tối đa tính sáng tạo, đổi mới trong tập thể CBNV; có những đề tài mang lại hiệu quả nhân rộng trong hệ thống.

Các công tác hành chính nhân sự trong giai đoạn khó khăn của doanh nghiệp năm 2023:

Thực hiện chính sách tiết giảm chi phí hành chính nhân sự, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, linh hoạt điều chỉnh các chính sách hành chính nhân sự, lương - chế độ, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế; đảm bảo lực lượng nhân sự hiện hữu có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng đồng hành cùng doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn, đảm bảo hiệu quả công việc.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Cơ cấu Nhân sự

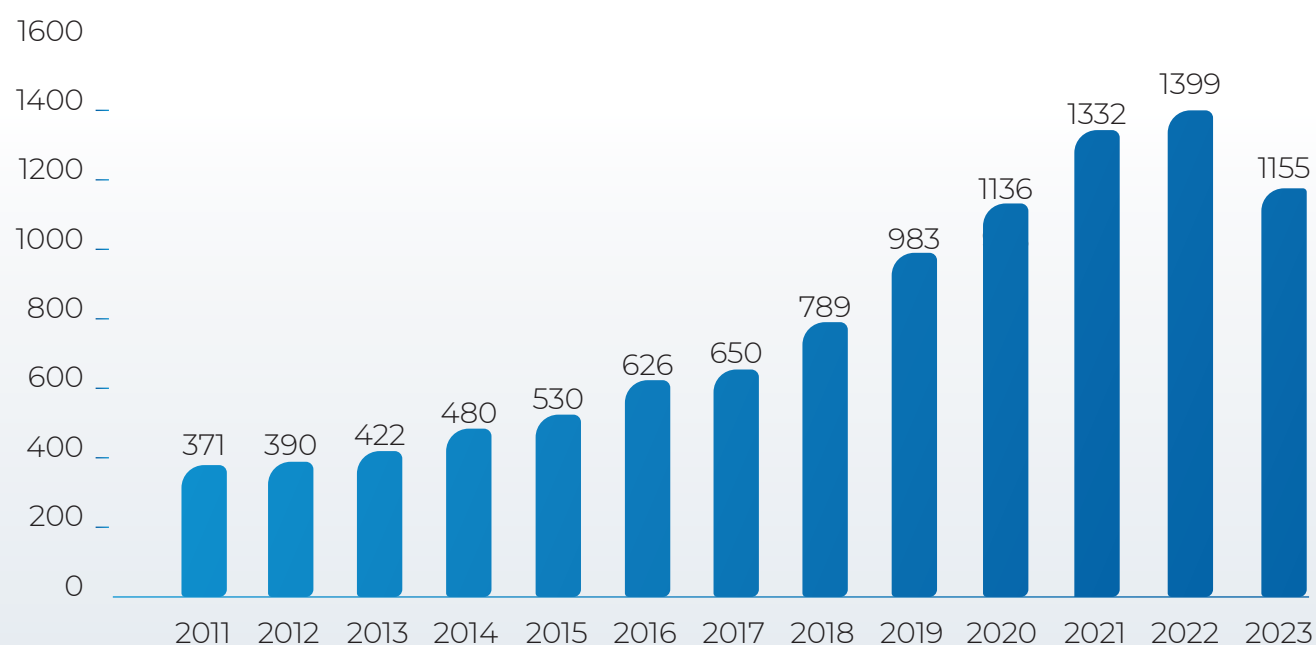
Tính đến 31/12/2023, tổng số lượng nhân sự của SMC là 934 lao động, giảm 465 nhân sự tương ứng 33% so với năm 2022. Với chủ trương thu hẹp hoạt động SXKD và cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nâng chất bộ máy nhân sự và tăng cường nhân sự kiêm nhiệm của Ban Lãnh đạo SMC, số lượng nhân sự của hệ thống giảm nhiều so với năm 2022.

Cơ cấu nhân sự hiện tại của SMC có sự đa dạng về độ tuổi, trong đó đội ngũ lao động có độ tuổi dưới 30 chiếm 31%, đội ngũ lao động từ 33 đến 48 tuổi chiếm 64% trên tổng số lao động toàn hệ thống. Sự đa dạng về độ tuổi trong cơ cấu nhân sự cũng là điểm đặc biệt tại SMC, sự giao thoa giữa các thế hệ trong SMC tạo nên một hệ thống đa dạng, phong phú về kỹ năng, kinh nghiệm; giữa truyền thống và hiện đại; giữa kinh nghiệm thực tiễn và lý thuyết mới;

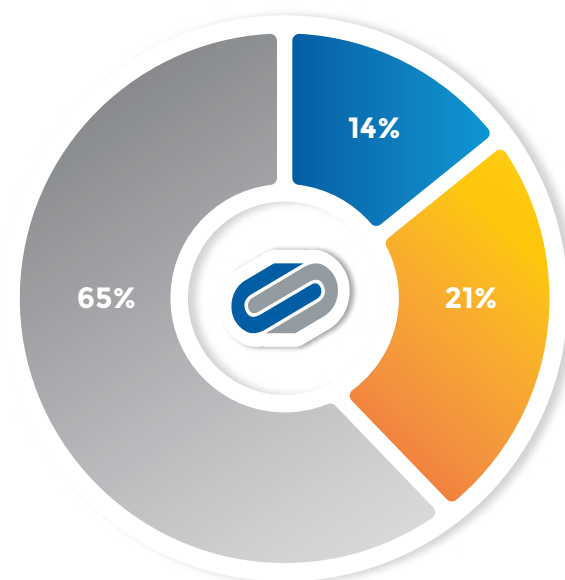
tăng sự học hỏi và tính cạnh tranh lành mạnh trong đội ngũ nhân sự của SMC; thúc đẩy hiệu suất làm việc và lan tỏa văn hóa SMC một cách mạnh mẽ.

Về trình độ chuyên môn của nhân sự hiện hữu: năm 2023, SMC sở hữu lực lượng nhân sự chất lượng với trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Cụ thể: tỷ lệ nhân sự có trình độ đại học trở lên chiếm 27%, tăng 3% so với năm 2022; tỷ lệ nhân sự có trình độ trung cấp trở lên đạt 50%. Việc nâng chất đội ngũ nhân sự là một trong những phương châm hoạt động của SMC. Với đội ngũ nhân sự đảm bảo chiều sâu về trình độ chuyên môn, việc tiếp cận với các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến hiện đại sẽ ngày càng hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu thay đổi và phát triển của doanh nghiệp, tạo nên thương hiệu nhân sự SMC trên thị trường lao động.

Tổng số lao động qua từng năm



Trong đó, tổng số lao động thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC, các Công ty Thành viên trực thuộc hệ thống và các Công ty liên doanh mà SMC sở hữu trên 50% cổ phần là: 934 lao động.



Cấu trúc lực lượng lao động phân theo loại lao động trong toàn hệ thống SMC

- Lao động trực tiếp
- Lao động gián tiếp
- Cán bộ Quản lý

Thu nhập và phúc lợi của người lao động trong hệ thống SMC

Năm 2023 là năm cực kỳ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, với những nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban Lãnh đạo và toàn thể CBNV SMC, SMC vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo được thu nhập cơ bản của CBNV trong hệ thống.

Chính sách phúc lợi cho CBNV luôn là nội dung quan trọng được Ban Lãnh đạo quan tâm. Năm 2023, các chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV vẫn được duy trì theo cam kết: bảo hiểm tai nạn 24/24, hỗ trợ thu nhập thêm cho các trường hợp thai sản, ốm đau, hưu trí; tặng quà cho CBQL nhân dịp kỷ niệm 35 năm thành lập công ty SMC; và một số chính sách hỗ trợ khác theo thực tế.

Hệ thống các tổ chức đoàn thể của SMC từ Công đoàn, Đoàn thanh niên, tổ chức Đảng... hoạt động xuyên suốt từ Tổng Công ty đến các Công ty Thành viên, sẵn sàng hỗ trợ người lao động khi cần thiết. CBNV SMC luôn được khuyến khích tham gia các tổ chức đoàn thể, tham gia các hoạt động thi đua, hoạt động thể thao, văn nghệ, giao lưu văn hóa, tạo sự gắn kết giữa CBNV các Khối/ Phòng ban và các CTTV trong hệ thống. Kịp thời hỗ trợ CBNV có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tạo điều kiện để CBNV nâng cao đời sống vật chất và tinh thần; góp phần gắn kết trực tiếp CBNV với định hướng phát triển và thúc đẩy việc hoàn thành các mục tiêu công việc theo kế hoạch.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tuyển dụng, đào tạo, phát triển

Hoạt động tuyển dụng hệ thống SMC năm 2023 có nhiều thay đổi, do tình hình khó khăn nên toàn hệ thống đã tạm ngưng tất cả các hoạt động tuyển dụng nhân sự mới, thay vào đó đẩy mạnh việc tuyển dụng nội bộ, sử dụng nguồn nhân sự hiện hữu sẵn có và thực hiện việc đề bạt, luân chuyển nhân sự giữa các đơn vị, đảm bảo đủ lực lượng nhân sự cả về số lượng lẫn chất lượng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh tại từng đơn vị, phát huy tối đa hiệu quả của bộ máy nhân sự SMC trong từng giai đoạn cụ thể. Mặc dù vậy, SMC vẫn chiêu mộ và chuyển dụng một số vị trí đặc thù, đảm bảo đáp ứng đủ năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, ngoại ngữ để nắm giữ một số vị trí quan trọng mang tính định hướng của hệ thống.

Năm 2023 cũng là năm đẩy mạnh các hoạt động đào tạo cán bộ quản lý cấp trung – cao, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý, đảm bảo công tác quản trị nguồn nhân lực trong hệ thống phát triển theo định hướng của Ban Lãnh đạo và bắt kịp dòng chảy của số hóa quản trị trong thời đại mới.

Tại SMC, chất lượng nguồn nhân lực là một trong những nội dung được Ban Lãnh đạo chú trọng, đặc biệt hơn trong giai đoạn khó khăn của hệ thống, việc nâng cao năng lực nhân sự, đẩy mạnh đào tạo và phát triển mạnh lực lượng nhân sự đa năng, đa nhiệm là vấn đề quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Công tác đào tạo trong hệ thống SMC vẫn được duy trì đều đặn trong năm với các khóa đào tạo được tổ chức theo kế hoạch: đào tạo hội nhập, đào tạo ISO, Khóa chứng chỉ an toàn lao động, Khóa Chứng chỉ cấu trúc, Khóa đào tạo an toàn hóa chất, Khóa đào tạo an toàn làm việc trên cao, Đào tạo quy chuẩn tác phong công



nh nghiệp, Khóa đào tạo Lean & Six Sigma, Khóa đào tạo Quản trị Chi phí, Khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên môn cho các Khối/ Phòng ban như Nghiệp vụ Thu mua, Xuất nhập khẩu, Tài chính; các khóa đào tạo kỹ năng mềm vẫn được tổ chức cho nhiều nhóm đối tượng: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng tương tác nội bộ - tương tác khách hàng, Kỹ năng sales... Bên cạnh đó, Công ty Samsung cũng thường xuyên tổ chức các chương trình kick-off, các khóa đào tạo chuyên biệt dành riêng cho các công ty vendor của



Samsung nhằm nâng cao nhận thức, chuyên môn và năng lực làm việc cho CBNV.

Song song với việc tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực, SMC luôn quan tâm đến việc xem xét và đề bạt những cá nhân có năng lực, kinh nghiệm và trình độ phù hợp vào các vị trí cao hơn, tạo động lực và khích lệ CBNV hăng say làm việc, phát huy tối đa năng lực của bản thân. Trong năm 2023, toàn hệ thống SMC đã tiến hành đề bạt 49 nhân sự hiện hữu và chính

thức bổ nhiệm 62 nhân sự (bao gồm cả lực lượng nhân sự quản lý tuyển mới) có đầy đủ tố chất và năng lực cần thiết để đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp trung, quản lý cấp cao. Đây là sự ghi nhận cho những nỗ lực và đóng góp của đội ngũ nhân sự trong hệ thống, là cơ sở xây dựng đội ngũ Nhân sự kế thừa cho các vị trí quản lý cấp cao, cùng đồng hành vì sự phát triển bền vững của hệ thống SMC.

Chiến lược tái cơ cấu - xây dựng và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo thực hiện mục tiêu tồn tại và phát triển bền vững hệ thống SMC

Định hướng xuyên suốt trong 35 năm qua của hệ thống SMC là phát triển bền vững và nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự phát triển bền vững này. Chất lượng nguồn nhân lực giúp hệ thống SMC vận hành đúng hướng, đảm bảo tính tuân thủ - tính hệ thống và văn hóa SMC được thể hiện xuyên suốt từ Tổng Công ty đến các Công ty Thành viên; khẳng định bản sắc văn hóa riêng của SMC trên thị trường lao động. Năm 2024 sẽ có những thay đổi về định hướng quản trị nguồn nhân lực, thực hiện những thay đổi tích cực, tái cơ cấu nhân sự theo thực tế SXKD của hệ thống nhằm mục đích nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện thực hóa được các mục tiêu mà Ban Lãnh đạo đề ra. Cụ thể như sau:

Về Tuyển dụng:

Xây dựng ngân hàng mô tả công việc và dữ liệu ứng viên cho tất cả các vị trí, đặc biệt lưu ý đối với các vị trí từ quản lý cấp trung trở lên. Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ công tác tuyển dụng tại các Công ty Thành viên. Tùy theo từng giai đoạn cụ thể sẽ tổ chức triển khai chương trình tuyển dụng tại các Trường Cao đẳng, Đại học (*chương trình tuyển dụng Sinh viên mới tốt nghiệp học việc - thực tập - tuyển dụng chính thức*); duy trì các hoạt động tuyển dụng như: tham gia Ngày hội việc làm tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề; Workshop, tổ chức cho Sinh viên tham quan và thực tập tại nhà máy...; duy trì kênh tuyển dụng trực tuyến tại các fanpage, cập nhật và đào tạo triển khai các phương thức tuyển dụng hiện đại nhằm tiết giảm chi phí tuyển dụng và nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng trong giai đoạn mới.

Về đào tạo phát triển:

Năm 2024 với mục tiêu xây dựng và duy trì đội ngũ nhân sự chất lượng, đa năng đa nhiệm, công tác đào tạo năm 2024 sẽ tập trung nội dung đào tạo kỹ năng chuyên môn và đào tạo kỹ năng mềm, phát huy tối đa nguồn lực giảng viên nội bộ của hệ thống; có đo lường kết quả thực tế sau đào tạo nhằm đảm bảo tính thiết thực và tối ưu hóa hiệu quả đào tạo, đáp ứng được nhu cầu thực tế của hệ thống. Tiếp tục chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa, nâng cao năng lực chuyên môn, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu điều chuyển, kiêm nhiệm, để bắt theo thực tế sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống và theo yêu cầu từ Ban Tổng Giám đốc.

Về chế độ chính sách cho người lao động:

Năm 2024 sẽ tiếp tục xây dựng và linh hoạt triển khai cơ chế lương, chính sách, chế độ cho CBNV, đảm bảo hài hòa và phù hợp trong đội ngũ nhân sự căn cứ trên vị trí đảm nhiệm, trách nhiệm công việc, khối lượng công việc phụ trách, thâm niên công tác; phù hợp với thị trường lao động và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hệ thống. Việc điều chỉnh linh hoạt trong quy chế lương, thưởng và chính sách nhằm mục đích giữ được nguồn nhân sự chất lượng, có tinh thần trách nhiệm, phù hợp văn hóa doanh nghiệp. Những đóng góp của CBNV tại SMC luôn được ghi nhận và đảm bảo chế độ đãi ngộ phù hợp. Đây là cam kết mang tính bền vững và là động lực để các nhân sự mới nỗ lực cố gắng trong công việc tại SMC.

Về môi trường làm việc:

Môi trường làm việc tại SMC là một trong những nét văn hoá đặc trưng của doanh nghiệp, năm 2024, SMC tiếp tục duy trì và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện theo cơ chế mở, các thông tin truyền thông luôn rõ ràng và minh bạch. SMC cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi để CBNV phát huy hết khả năng của mình trong công việc, gắn bó, đồng hành và phát triển bền vững cùng hệ thống.



3. Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

SMC tiếp tục thực hiện chuẩn mực công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư, tiếp xúc, gặp gỡ, cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Các hoạt động công bố thông tin luôn được cập nhật/phản hồi một cách rõ ràng, minh bạch, cung cấp đầy đủ các nội dung liên quan đến hoạt động quản trị, đầu tư tài chính, sản xuất vận hành của SMC

để nhà đầu tư, đối tác, khách hàng có thể truy cập, kiểm tra và nắm bắt thông tin kịp thời. Công ty luôn công bố thông tin, cập nhật về hiệu quả và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp theo tháng, quý, năm một cách đầy đủ, cởi mở, và minh bạch, sẵn sàng đối thoại, giải đáp các thắc mắc yêu cầu đối với kết quả hoạt động, kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp.

Cổ phiếu SMC

Mã chứng khoán	SMC	
Sàn niêm yết cổ phiếu	HSX	
Vốn điều lệ	736.785.870.000	Đồng
Số cổ phiếu đang lưu hành	73.606.837	Cổ phiếu
Vốn hóa thị trường (theo giá cp ngày 29/12/2023)	754.470.079.250	Đồng
Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu năm 2023 (EPS)	(12.027)	Đồng
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu năm 2023 (BPS)	10.828	Đồng
Biến động giá VN-Index trong năm 2023	+ 12,2%	
Biến động giá cổ phiếu SMC trong năm 2023	+ 6,0%	

Thị trường chứng khoán năm 2023 có độ nhạy cao với chính sách tiền tệ. Thị trường hưng phấn, tăng mạnh sau động thái cắt giảm lãi suất liên tiếp của Ngân hàng Nhà nước và phản ứng tiêu cực khi có động thái hút tiền từ cơ quan này để ổn định tỷ giá. Hai tháng cuối năm 2023, sau khi Ngân hàng Nhà nước ngừng hút tiền, thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định trở lại, diễn biến thị trường chứng khoán hồi phục nhẹ rồi đi ngang. Thị trường nhìn chung diễn biến tích cực cho đến đầu tháng 9, có thời điểm VN-Index ghi nhận mức tăng gần 24% so với đầu năm, đạt hơn 1.255 điểm. Động lực chính là chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước, với 4 lần cắt giảm lãi suất điều hành nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, thị trường sau đó điều chỉnh, VN-Index mất hơn 200 điểm trong vòng gần 2

tháng. Thành quả của giai đoạn trước gần như tiêu tan sau nhịp điều chỉnh chủ yếu do yếu tố ngoại biên. Trong khi đó, khối ngoại duy trì động thái bán ròng. Tâm lý nhà đầu tư nội bị ảnh hưởng khiến VN-Index giảm điểm, dù yếu tố vĩ mô trong nước vẫn ổn định tích cực. Giai đoạn cuối năm, VN-Index dao động quanh ngưỡng 1.100 điểm, đóng cửa phiên 29/12 tại 1.129,93 điểm, tăng 12,2% so với cuối năm 2022.

Hầu hết các cổ phiếu thép đều đã bị giảm giá sâu trong năm 2022, do đó bước sang năm 2023, xu hướng giá các cổ phiếu thép hồi phục khá tốt cùng sự ổn định chung của TTCK. Dù ngành thép nói chung vẫn còn nhiều yếu tố khó khăn do nhu cầu tiêu thụ yếu và giá thép giảm, nhiều doanh nghiệp thép đã bắt đầu có lợi nhuận/hiệu quả

từ HĐSXKD trong năm 2023 so với năm trước đó. Từ đó ghi nhận mức hồi phục giá cổ phiếu tích cực từ 50-100% trong năm so với mức tăng chung 12% của VN-Index như cổ phiếu NKG, HSG,

HPG. Trong khi đó, cổ phiếu SMC đã có một năm giao dịch ảm đạm với giá cổ phiếu chỉ ghi nhận mức tăng 6% tại thời điểm cuối năm do KQKD lỗ lớn trong năm 2023.

Cổ tức và Cổ phiếu

Năm 2023, do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không thuận lợi và không đạt được kế hoạch đã đề ra, nên Công ty đã không thể thực hiện việc tạm ứng/chi trả cổ tức cho năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua.

Cơ cấu cổ đông

Những thay đổi lớn và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2023:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm cổ phiếu	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Mua	Bán
Ông Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	Người liên quan Cổ đông Nội Bộ	1.292.787	1,74	762.787	1,02	-	530.000
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Người liên quan Cổ đông Nội Bộ	2.220.467	3,01	1.720.467	2,34	-	500.000



Thông tin cổ đông theo danh sách chốt ngày 20/03/2024

Cơ cấu cổ đông

	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng CP	%	Số lượng CP	%	Số lượng CP	%
Tổng vốn chủ sở hữu	58.796.804	79,8	14.881.783	20,2	73.678.587	100,0
Cổ đông sáng lập (*)	10.812.866	14,7	0	0,00	10.812.866	14,7
Cổ đông sở hữu trên 5%	20.541.215	27,9	14.416.476	19,6	34.957.691	47,5
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	9.939.285	13,5	0	0,00	9.939.285	13,5
Cổ đông sở hữu dưới 1%	28.244.554	38,3	465.307	0,6	28.709.861	38,9
Cổ phiếu quỹ	71.750	0,1	0	0,00	71.750	0,1

(*) Cổ đông sáng lập đã bao gồm 01 cổ đông sở hữu trên 5% và 01 cổ đông sở hữu dưới 1%

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông đặc biệt

	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông đặc biệt	29.896.078	0	29.896.078	40,6
Hội đồng quản trị	29.165.914	0	29.165.914	39,6
Ban Tổng giám đốc	1.454.192	0	1.454.192	2,0
Ban kiểm soát	37.046	0	37.046	0,1
Kế toán trưởng	28.690	0	28.690	0,04
Cổ đông nắm giữ >=5%	34.957.691	0	34.957.691	47,5
Hanwa Co. Ltd	14.416.476	0	14.416.476	19,6
Nguyễn Thị Ngọc Loan	10.490.194	0	10.490.194	14,2
Nguyễn Cẩm Vân	10.051.021	0	10.051.021	13,7
Cổ đông nước ngoài	14.881.783	0	14.881.783	20,2
Tổ chức	14.552.808	0	14.552.808	19,8
Cá nhân	328.975	0	328.975	0,4
Cổ phiếu quỹ	71.750	0	71.750	0,1

Danh sách chi tiết cổ đông chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ %
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	10.490.194	0	10.490.194	14,2
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	PCT HĐQT – PTGD	789.764	0	789.764	1,1
Hanwa Co., Ltd	Thành viên HĐQT	14.416.476	0	14.416.476	19,6
Nguyễn Hữu Kinh Luân	TV HĐQT	3.469.480	0	3.469.480	4,7
Vũ Anh Nguyên	TV HĐQT độc lập	0	0	0	0,00
Đặng Huy Hiệp	TGD	222.488	0	222.488	0,3
Nguyễn Bình Trọng	Phó TGD	72.000	0	72.000	0,1
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	322.672	0	322.672	0,4
Nguyễn Hồng Châu	Phó TGD	47.268	0	47.268	0,1
Võ Thị Tố Ngân	BKS	19.701	0	19.701	0,03
Đặng Thị Thu Trang	BKS	11.445	0	11.445	0,02
Lê Thị Cẩm Tú	BKS	5.900	0	5.900	0,01
Nguyễn Văn Lâm	KTT	28.690	0	28.690	0,04
Tổng cộng		29.896.078	0	29.896.078	40,6

Thù lao, chi phí của HĐQT và BKS

Trong năm 2023, do kết quả hoạt động SXKD không khả quan và không đạt được mục tiêu đã được ĐHCĐ thông qua, Công ty KHÔNG thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, Ban lãnh đạo, và Ban kiểm soát.

4. Phát triển bền vững

SMC luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm cốt lõi trong toàn bộ định hướng hoạt động và xây dựng tổ chức trước những thay đổi về kinh tế chính trị trong và ngoài nước, nhằm gia tăng giá trị đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và khách hàng, và đảm bảo mục tiêu phát triển chiến lược của chính doanh nghiệp. Trong đó, Công ty tập trung vào việc đầu tư phát triển các hoạt động kinh doanh sắt thép cốt lõi, thực hiện mục tiêu tăng trưởng vững chắc và hoạt động ổn định có hiệu quả trong trung dài hạn, kết hợp với thực hiện các mục tiêu về xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Trải qua một chặng đường dài, SMC đã từng bước phát triển vững mạnh, tái cấu trúc và định hướng hoạt động hài hòa theo 3 nhóm lĩnh vực chính gồm Thương mại – Gia công – Sản xuất thép, một mặt vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh phục vụ cho chiến lược phát triển ổn định bền vững của Công ty, mặt khác vừa đa dạng hóa cơ cấu danh mục sản phẩm cung cấp cho khách hàng và thị trường. Ba khía cạnh của phát triển bền vững là Kinh tế – Xã hội – Môi trường luôn được quan tâm, đảm bảo hài hòa và cân đối xuyên suốt trong các hoạt động quản trị doanh nghiệp và hoạt động SXKD của toàn hệ thống SMC.

Chia sẻ cùng Xã Hội - Chung tay cùng Cộng Đồng

Trong suốt hành trình 35 năm hình thành và phát triển, SMC đã hòa nhịp cùng cộng đồng trong các hoạt động trao gửi yêu thương – sẻ chia hạnh phúc với rất nhiều các hoạt động thiện nguyện, dù miền ngược hay miền xuôi, dù mùa bão hay nắng cháy; chỉ cần SMC có thể – SMC sẽ thực hiện; với hy vọng rằng, những đóng góp nhỏ nhỏ phần nào đó sẽ giúp giảm bớt những khó khăn – thiếu thốn trong cuộc sống thường nhật, san sẻ một chút gánh nặng trong vật chất, là nguồn động lực cổ vũ và



động viên tinh thần đến tất cả mọi người. Trong năm 2023 SMC thực hiện được các chương trình như:

- ▣ Chương trình ủng hộ chăm lo Tết cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn cùng Mặt trận tổ quốc Phường 25, Quận Bình Thạnh số tiền: 50 triệu đồng.
- ▣ Chương trình tài trợ học bổng cho Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM số tiền: 100 triệu đồng.



- ▣ Chương trình Thiện nguyện - Kết nối yêu thương - tại cơ sở Hồng Ân – cơ sở nuôi dạy trẻ tại Phú Mỹ - Vũng Tàu số tiền: 50 triệu đồng.
- ▣ Ban Lãnh đạo SMC kêu gọi tập thể CBNV Công ty SMC phát huy truyền thống nhân ái “Thương người như thể thương thân”, với thông điệp: “Mỗi giọt máu cho đi – Một cuộc đời ở lại”, vì sức khỏe của bản thân và vì cộng đồng, nhằm hướng đến sinh nhật 35 năm Công ty SMC với những hoạt động đầy ý

nghĩa và nhân văn. Trong thời gian tới, SMC sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội, công tác từ thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, gắn kết với địa phương nơi Công ty có văn phòng, các nhà máy đang hoạt động.

Bảo vệ Môi trường

Thép là một ngành công nghiệp nặng, trong quá trình sản xuất đã tạo ra một lượng lớn các chất thải gây ô nhiễm môi trường và gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Do đó mỗi doanh nghiệp hoạt động trong ngành cần nâng cao ý thức và có những hành động tích cực nhằm đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng và bảo vệ môi trường. Ý thức được vấn đề đó, SMC luôn đặc biệt quan tâm và nâng cao trách nhiệm đối với môi trường và con người trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của cơ quan quản lý đối với môi trường, lựa chọn và áp dụng công nghệ gia công sản xuất thép hiện đại tiên tiến, sử dụng công nghệ ít tiêu tốn vật tư, nguyên nhiên liệu, kết hợp với biện pháp xử lý cuối nguồn để đảm bảo tối thiểu các tác động đến môi trường. Công ty cũng thường xuyên củng cố và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân viên, về bảo vệ môi trường, để có những cập nhật, phản ứng và cách xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh nếu có, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Cùng với việc tiếp tục duy trì và phát huy phương pháp 5S, SMC sẽ luôn phát huy các sáng kiến và ứng dụng cải tiến cho các hoạt động SXKD trong thời gian tới.

Từ năm 2020, SMC cũng đã chính thức phối hợp với đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời áp mái, ứng dụng cho các khối văn phòng, nhà xưởng, nhà máy sản xuất của Công ty. Các nhà máy của Công ty đang được đặt ở KCN Phú Mỹ 1, BRVT là nơi có điều kiện lý tưởng cho việc lắp đặt và sử dụng điện năng lượng mặt trời vào hoạt động SXKD. Ứng dụng này đem đến nhiều lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp nói riêng và cho môi trường nói chung, như: không tạo ra khí nhà kính, không gây ô nhiễm nguồn nước, không tạo ra tiếng ồn trong quá trình sản xuất điện, không có tác động có hại đến môi trường sống và con người xung quanh, góp phần giảm tải tiêu hao điện năng sử dụng từ nhà cung cấp giúp doanh nghiệp giảm bớt chi phí, giúp làm mát hạ nhiệt cho khu vực nhà xưởng văn phòng được lắp đặt, cũng như làm giảm tác động của nhiệt đến hạ tầng nhà xưởng, văn phòng và cơ sở vật chất bên trong.

Các nhà máy gia công chế biến và sản xuất hiện tại của toàn hệ thống đều được đặt trong các KCN quy hoạch hoàn chỉnh dành cho ngành công nghiệp nặng với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, riêng biệt với khu dân cư, ít gây ảnh hưởng tác động đến môi trường sống của dân cư xung quanh trong suốt quá trình từ triển khai đầu tư, xây dựng cơ bản cho đến khi hoàn thành đi vào vận hành.

□ Về tỷ lệ tiêu hao nguyên liệu/phế phẩm – SMC luôn đảm bảo quản lý từ chất lượng đầu vào các nguyên vật liệu cho quá trình gia công sản xuất, cùng hệ thống máy móc hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình thực hiện. Các phế liệu chủ yếu từ quá trình gia công sản xuất của SMC là các đầu mẫu dây thép, cuộn thép, hoặc 2 biên của cuộn thép, xỉ kẽm, được tập trung thu gom và bán lại cho các nhà máy tái chế nguyên liệu.

□ Về nước và khí thải – SMC áp dụng biện pháp xử lý và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và ký hợp đồng xử lý nước thải với các đơn vị chịu trách nhiệm tại các KCN, đảm bảo lượng nước thải ra được xử lý đúng cách và không gây ảnh hưởng đến môi trường. Đối với khí thải, các hoạt động gia công sản xuất của Công ty không phát sinh ra khói và khí thải độc hại, tuy nhiên SMC vẫn tăng cường thoáng gió tự nhiên và tăng cường diện tích cây xanh trong môi trường làm việc cho CBCNV.

□ Về tiếng ồn và độ rung – chủ yếu phát sinh trong suốt quá trình vận hành máy móc, SMC đã áp dụng các biện pháp để hạn chế tối đa những ảnh hưởng về tiếng ồn và độ rung

đến CBCNV làm việc trực tiếp và gián tiếp trong nhà máy như trang bị lớp cao su, lò xo giảm chấn cho máy móc thiết bị gây độ rung, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hệ thống, bố trí máy móc thiết bị trong dây chuyền hợp lý để tránh cộng hưởng tiếng ồn, và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở những nơi phát sinh tiếng ồn cao.

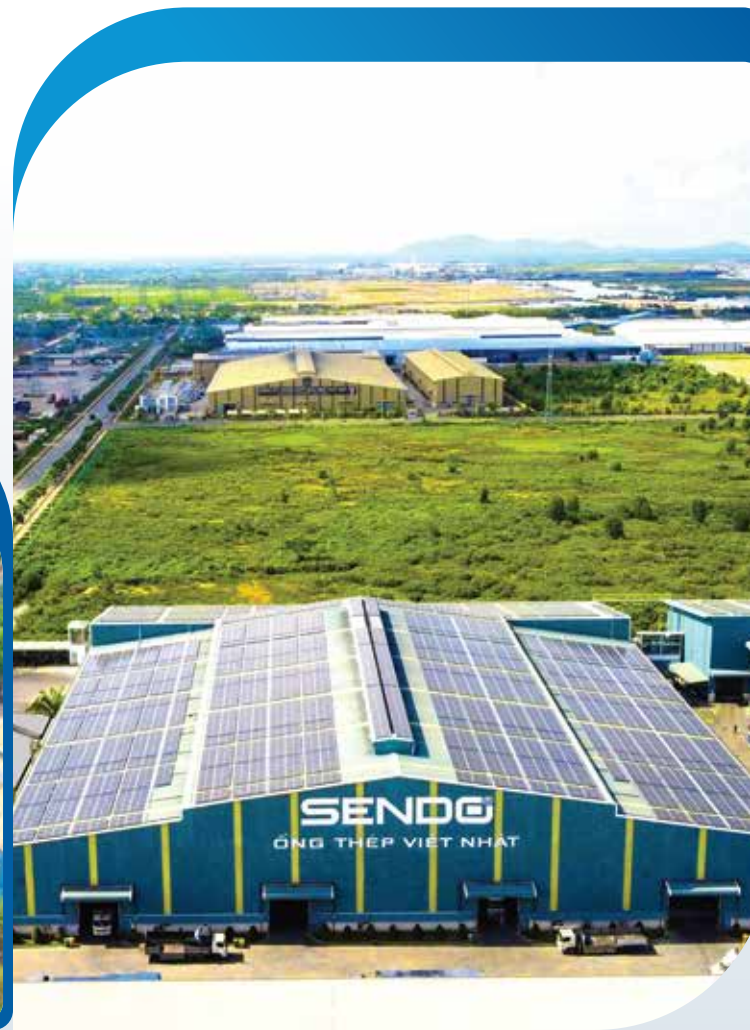
□ Về tiêu hao điện năng, năng lượng – tất cả các dây chuyền gia công sản xuất đều được nhập mới với công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu, vận hành năng suất cao, được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, nên mức tiêu thụ điện năng và nhiên liệu trong suốt quá trình sản xuất gia công đạt hiệu quả khá tốt. Trong quá trình xây dựng nhà xưởng, SMC đã tối đa hóa hệ thống tôn sáng, đảm bảo đầy đủ ánh sáng tự nhiên trong quá trình làm việc, góp phần giảm tối đa tiêu hao điện năng. Toàn hệ thống được vận hành dựa trên công nghệ điều khiển và tự động, với động cơ truyền lực được vận hành bằng công nghệ inverter giúp giảm tiêu hao năng lượng, nhưng vẫn đảm bảo cho năng suất, tốc độ cao, và chất lượng sản phẩm cao nhất cho khách hàng.

Tăng trưởng bền vững – Gia tăng giá trị

SMC tập trung phát triển cả chiều sâu và chiều rộng, như phát triển thị phần, nâng cao năng suất, vừa khai thác tốt thị trường nội địa, vừa tích cực trong hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển thị trường mới, và nhất là tăng cường tham gia tích cực hơn và hiệu quả hơn nữa trong lĩnh vực gia công chế biến, sản xuất thép để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững và ổn định hiệu quả.

Với định hướng chiến lược tập trung vào giá trị cốt lõi là hoạt động sản xuất kinh doanh thép, SMC đã khẳng định được vị thế của mình trong ngành với những thành quả đáng ghi nhận: là doanh nghiệp thép với 35 năm kinh nghiệm trong ngành, có tổng sản lượng tiêu thụ thép ở mức lớn trong nước đạt hơn 1 triệu tấn thép; là doanh nghiệp thép nội địa có hệ thống Coil Center lớn và chất lượng ở Việt Nam; hoàn thiện dẫn chuỗi sản xuất khép kín từ nguyên liệu thép cán nóng ra thành phẩm mạ và ống thép.

Đối mặt với không ít khó khăn và thử thách trong suốt chặng đường hình thành và phát triển đến nay, SMC vẫn tiếp tục đứng vững, kiên trì đối đầu với thử thách, duy trì hoạt động SXKD ổn định và ngày càng khẳng định mình trên thương trường, vững bước trên con đường phát triển bền vững mang lại giá trị và lợi ích lâu dài cho cổ đông và đối tác. Với trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội, vì sự tin tưởng của cổ đông, khách hàng, đối tác, các cơ quan đoàn thể, CBCNV, chúng tôi sẽ quyết tâm tiếp tục thực hiện nghiêm túc các định hướng đúng đắn mà Công ty đã và đang thực hiện trong quãng đường hình thành và phát triển.



CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT



Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần /vốn góp của Công ty: Không có
 Công ty có trên 50% vốn cổ phần /vốn góp chủ chốt do Công ty nắm giữ gồm:

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Trụ sở chính: Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Vốn điều lệ: 230 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 100%

Hoạt động chính: Thương mại xuất khẩu Thép các loại, gia công Thép các loại, khai thác nguyên vật liệu Thép các loại cho hoạt động sản xuất gia công của hệ thống

Sản phẩm: Thép xây dựng, Thép lá, mạ các loại xây dựng,...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2022	2023	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.552,4	2.185,5	-38,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	42,3	3,0	-92,9%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	647,4	746,8	+15,4%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	302,7	513,7	+69,7%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	344,7	233,1	-32,4%

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

Trụ sở chính: KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Vốn điều lệ: 180 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 100%

Hoạt động chính: Gia công, xử lý thép cuộn cán nóng, cán ép, tẩy rỉ, sản xuất thép lá mạ kẽm, công suất 350.000 tấn/năm

Sản phẩm: Thép tấm cán nóng, thép tấm cán nóng phi quy cách, thép lá mạ kẽm



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2022	2023	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	7.037,5	4.533,1	-35,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(107,9)	5,7	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.645,8	1.075,3	-34,7%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.522,4	946,2	-37,8%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	123,4	129,1	+4,6%

CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Trụ sở chính: Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TPHCM

Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 100%

Hoạt động chính: Coil Center – thương mại, sản xuất, gia công chế biến thép các loại, với tổng công suất 200.000 tấn/năm, chuyên cung cấp và gia công xả băng, cắt tấm các loại thép tấm cán nóng, thép lá cán nguội, thép mạ... với độ chính xác và chất lượng cao. Hệ thống cụm máy cán thanh La cung cấp sản phẩm phục vụ trong lĩnh vực gia công Cơ khí, nội ngoại thất, công trình giao thông...

Sản phẩm: Thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nóng phi quy cách (secondary), thép cường độ chịu lực cao...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2022	2023	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.966,9	2.309,8	-22,1%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(166,2)	5,1	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	760,6	779,3	+2,5%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	640,9	654,4	+2,1%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	119,8	124,9	+4,3%

CÔNG TY TNHH MTV SMC ĐÀ NẴNG

Trụ sở chính: Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 100%

Hoạt động chính: Coil Center – thương mại, sản xuất, gia công chế biến thép các loại, có tổng công suất thiết kế 100.000 tấn/năm, chuyên cung cấp và gia công xả băng, cắt tấm các loại thép với độ chính xác cao theo yêu cầu riêng biệt của khách hàng.

Sản phẩm: Kinh doanh và gia công thép cán nóng chính phẩm, cán nóng phi quy cách, PO tẩy gỉ, thép mạ kẽm, thép cán nguội ...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2022	2023	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	762,4	428,2	-43,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(63,8)	(21,5)	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	212,9	237,9	+11,7%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	177,9	224,4	+26,1%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	35,0	13,5	-61,4%

CÔNG TY TNHH GIA CÔNG THÉP SMC PHÚ MỸ

Trụ sở chính: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT

Vốn điều lệ: 220 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 100%

Hoạt động chính: Coil Center chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm được gia công, cắt chặt, chế biến từ thép, tạo ra các sản phẩm phụ trợ phục vụ cho các ngành xây dựng, giao thông, điện, điện tử, điện lạnh, và hàng gia dụng, nội thất...

Sản phẩm: Thép lá cán nguội, thép lá cán nóng đã tẩy gỉ, thép lá mạ điện, thép mạ kẽm, thép mạ màu, thép không gỉ, thép hình, lưới thép hàn, cốt thép, thép xây dựng...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2022	2023	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.804,1	1.575,0	-43,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(43,9)	(19,3)	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	737,5	935,4	+26,8%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	561,3	778,6	+38,7%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	176,1	156,8	-11,0%

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC SMC PHÚ MỸ

Trụ sở chính: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT

Vốn điều lệ: 375 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 100%

Hoạt động chính: Tham gia vào chuỗi cung ứng trong lĩnh vực thép chuyên gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, rèn dập ép cán kim loại, định hình sản phẩm, cung cấp nguyên liệu cho khách hàng là các nhà sản xuất ô tô, xe máy, điện, điện tử, điện gia dụng.

Sản phẩm: đang là vendor cấp 1 đột dập định hình sản phẩm thép cung cấp cho Samsung Điện tử HCM cho sản xuất máy giặt, tivi, tủ lạnh, lò vi sóng...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2022	2023	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	135,9	188,4	+38,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(40,3)	(40,0)	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	459,6	446,2	-2,9%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	124,8	151,4	+21,3%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	334,7	294,7	-12,0%

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO

Trụ sở chính: Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Văn phòng đại diện: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM

Vốn điều lệ: 176,2 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu: 75%

Hoạt động chính: Sản xuất và gia công sản phẩm ống thép, công suất 250.000 tấn/năm

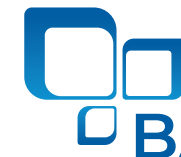
Sản phẩm: Ống thép đen và ống thép mạ kẽm các loại

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2022	2023	Tăng/Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.648,5	1.849,6	-49,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(291,4)	(160,0)	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	761,3	537,6	-29,4%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	691,3	627,7	-9,2%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	70,0	(90,1)	n.a



BÁO CÁO TÀI CHÍNH





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 19 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 26/9/2023 về việc cập nhật thay đổi địa chỉ Công ty.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: SMC Trading Investment Joint Stock Company.

Tên viết tắt: SMC J.S.C

Mã chứng khoán: SMC

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

Trụ sở chính: 681 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Tập đoàn được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	81
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	84-85
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	86-89
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	90
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	91-92
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	93-151



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên
Ông Vũ Anh Nguyên	Thành viên
Ông Kishimoto Hideki	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Võ Thị Tố Ngân	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Thu Trang	Thành viên
Bà Lê Thị Cẩm Tú	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Phó TGD thường trực (Bỏ nhiệm 01/02/2024)
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD (Miễn nhiệm 02/01/2024)
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó TGD (Miễn nhiệm 24/03/2024)
Ông Nguyễn Văn Lâm	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT
-------------------------	---------------

Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan đã ủy quyền cho Ông Đặng Huy Hiệp ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-SMC ngày 06 tháng 12 năm 2023.

4. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISIC được chọn là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

5. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp.HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



ĐẶNG HUY HIỆP

Tổng Giám đốc

www.smc.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: A0523208-HN/MOORE AISC-DN7

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại SMC** (gọi tắt là "Công ty") và **các công ty Con** (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 5 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ

tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con** tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



PHAN ĐỨC DANH

GIÁM ĐỐC KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN

Giấy CNĐKHNKT số: 2080-2023-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐỖ THỊ HẰNG

Giấy CNĐKHNKT số: 4226-2023-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.981.869.829.063	6.272.892.840.592
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	669.710.791.326	813.933.205.557
1. Tiền	111		127.210.791.326	230.149.809.578
2. Các khoản tương đương tiền	112		542.500.000.000	583.783.395.979
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	488.551.095.890	686.685.571.204
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		488.551.095.890	686.685.571.204
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.647.710.470.088	2.931.915.215.236
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	1.999.235.012.077	2.705.293.426.922
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	83.452.891.973	217.950.189.260
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	84.100.000.000	7.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	34.212.330.986	52.010.270.947
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(553.289.764.948)	(50.338.671.893)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	841.377.700.626	1.564.776.614.788
1. Hàng tồn kho	141		854.804.748.300	1.663.486.214.608
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.427.047.674)	(98.709.599.820)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		334.519.771.133	275.582.233.807
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14a	8.884.496.238	11.972.241.904
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		323.205.460.581	262.065.076.092
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18a	2.429.814.314	1.544.915.811
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.196.821.234.663	2.056.201.115.238
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.615.308.034	40.560.367.742
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	20.341.137.042	20.491.137.042
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	35.615.308.034	40.560.367.742
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(20.341.137.042)	(20.491.137.042)
II. Tài sản cố định	220		1.451.370.890.406	1.218.665.989.264
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.012.009.354.742	740.501.293.482
- Nguyên giá	222		1.835.901.941.819	1.410.161.245.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(823.892.587.077)	(669.659.951.668)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	300.892.216.495	338.815.734.197
- Nguyên giá	225		347.870.175.532	448.551.154.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(46.977.959.037)	(109.735.420.463)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	138.469.319.169	139.348.961.585
- Nguyên giá	228		147.043.741.108	147.043.741.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.574.421.939)	(7.694.779.523)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	6.840.901.463	7.204.135.169
- Nguyên giá	231		9.080.842.650	9.080.842.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.239.941.187)	(1.876.707.481)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		50.015.847.390	95.486.249.644
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	50.015.847.390	95.486.249.644
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	270.702.708.211	301.293.267.159
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		124.684.556.544	136.159.962.159
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		165.473.070.097	165.473.070.097
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(26.454.918.430)	(25.339.765.097)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		7.000.000.000	25.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		382.275.579.159	392.991.106.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14b	368.206.756.618	378.503.943.418
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15a	14.068.822.541	14.487.162.842
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.178.691.063.726	8.329.093.955.830

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.380.921.223.677	6.606.025.072.604
I. Nợ ngắn hạn	310		5.007.005.374.944	5.992.464.511.354
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.16	2.009.778.690.862	2.676.424.687.402
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	65.854.745.370	113.917.896.415
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18b	19.509.132.725	14.560.157.545
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	29.757.896.661	27.057.428.093
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	425.513.724
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	190.215.405.286	149.124.374.537
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	2.685.470.160.731	3.004.102.523.373
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.419.343.309	6.851.930.265
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		373.915.848.733	613.560.561.250
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	315.480.900	420.641.202
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22bcd	331.830.155.408	571.369.707.623
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.15b	41.770.212.425	41.770.212.425
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		797.769.840.049	1.723.068.883.226
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	797.769.840.049	1.723.068.883.226
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		736.785.870.000	736.785.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		736.785.870.000	736.785.870.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		253.132.567.160	253.132.567.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(717.500.000)	(717.500.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	372.822.448.820
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(168.865.083.788)	343.601.547.426
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		343.601.547.426	922.589.995.092
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(512.466.631.214)	(578.988.447.666)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(22.566.013.323)	17.443.949.820
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.178.691.063.726	8.329.093.955.830

Tp. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hồng Phúc

Nguyễn Văn Lâm

Đặng Huy Hiệp



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.703.621.127.260	23.187.514.531.782
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.045.092.674	5.934.713.066
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	13.701.576.034.586	23.181.579.818.716
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.640.006.592.260	23.219.203.620.322
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/(lỗ) (20 = 10 - 11)	20		61.569.442.326	(37.623.801.606)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	117.034.465.393	117.606.175.303
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	340.082.012.586	367.856.237.748
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		265.581.768.849	240.908.082.012
8. Phân lãi (/hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(6.010.744.743)	5.850.204.250
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	122.841.658.513	209.785.898.048
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	623.223.853.484	123.433.305.078
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/(lỗ) (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		(913.554.361.607)	(615.242.862.927)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	46.999.577.464	32.258.627.576
13. Chi phí khác	32	VI.7	46.246.049.992	7.945.272.319
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		753.527.472	24.313.355.257
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/(lỗ) (50 = 30 + 40)	50		(912.800.834.135)	(590.929.507.670)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	12.079.868.741	15.333.094.084
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		418.340.301	45.568.481.987
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/(lỗ) (60 = 50 - 51 - 52)	60		(925.299.043.177)	(651.831.083.741)
Cổ đông của Công ty mẹ	61		(885.289.080.034)	(578.988.447.666)
Cổ đông không kiểm soát	62		(40.009.963.143)	(72.842.636.075)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (70 = 60 / 61)	70	VI.10	(12.027)	(8.760)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (71 = 60 / 62)	71	VI.11	(12.027)	(8.760)

Tp. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Hồng Phúc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Huy Hiệp



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(912.800.834.135)	(590.929.507.670)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9-12	106.710.808.214	134.020.042.650
- Các khoản dự phòng	03	VI.2,4,5b	418.633.694.242	11.622.921.234
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.218.057.341)	(10.075.126.527)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(79.387.750.276)	(73.058.843.884)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	265.581.768.849	240.908.082.012
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(202.480.370.447)	(287.512.432.185)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		761.419.713.344	(34.973.151.280)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		808.681.466.308	999.671.621.041
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(658.198.175.879)	59.569.525.638
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		13.365.521.202	(6.684.744.064)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(269.018.649.738)	(239.567.065.999)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.18	(11.756.881.032)	(76.548.859.104)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(432.586.956)	(13.748.723.253)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		441.580.036.802	400.206.170.794
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(249.158.054.419)	(160.212.638.274)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		32.736.373.738	74.373.014.838
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(915.307.151.127)	(1.332.099.902.833)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.095.342.722.331	1.343.749.126.572
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		80.227.129.087	71.170.624.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		43.841.019.610	(3.019.775.037)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tt)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	9.554.473.325.694	14.856.459.580.103
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(10.117.344.507.813)	(14.974.459.823.802)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(67.264.358.598)	(58.125.849.396)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(30.461.470.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(630.135.540.717)	(206.587.563.595)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(144.714.484.305)	190.598.832.162
(50 = 20+ 30 + 40)				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		813.933.205.557	624.568.484.588
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		492.070.074	(1.234.111.193)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.I	669.710.791.326	813.933.205.557
(70 = 50+60+61)				

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Hồng Phúc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm

Tp. HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Huy Hiệp



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 19 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 26/9/2023 về việc cập nhật thay đổi địa chỉ Công ty.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UB-CK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Trụ sở chính: 681 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2023, tình hình kinh doanh của Công ty tiếp tục chịu sự ảnh hưởng nặng nề của nền kinh tế vĩ mô, cụ thể như sau:

- Thị trường bất động sản đóng băng bởi hiện đang gặp khó khăn bởi các chính sách tín dụng bất động sản siết chặt, thị trường trái phiếu doanh nghiệp gặp khó khăn, lãi suất tăng cao ... và thị trường dân dụng sức mua yếu trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng chậm nên nhu cầu thép trong nước giảm sút đáng kể;
- Tình hình chính trị thế giới vẫn chưa ổn định nên các nền kinh tế lớn như Mỹ, Châu Âu ... vẫn đang gặp khó khăn dẫn đến sản lượng xuất khẩu cũng không cao.
- Bên cạnh đó, những yếu tố bất lợi nêu trên kéo theo tâm lý người tiêu dùng e dè, thắt chặt chi tiêu làm cho sức tiêu thụ cũng như giá thép càng giảm mạnh hơn dẫn đến các doanh nghiệp sản xuất,



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

kinh doanh thép phải sản xuất cầm chừng, luân phiên sản xuất nên giá thành sản phẩm tăng hơn. Theo nghị quyết số 312/2023/NQ-HĐQT ngày 18/10/2023 của HĐQT Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC đã thống nhất thông qua chủ trương thu hẹp sản xuất kinh doanh, nhân sự trong toàn hệ thống SMC, tiết giảm tất cả các chi phí phát sinh để duy trì hoạt động của hệ thống SMC nói chung và Công ty nói riêng.

Ngoài ra, trong năm tài chính này, Tập đoàn đã thay đổi tăng thời gian khấu hao của một số tài sản cố định theo Biên bản họp số 417/2023/BBH-HĐQT ngày 28/12/2023. Việc thay đổi này làm giảm chi phí khấu hao phát sinh trong năm là 46.165.170.724 VND và đồng thời lỗ kinh doanh của Tập đoàn giảm 17.983.529.538 VND và hàng tồn kho giảm 6.043.950.519 VND.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 839 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.202 nhân viên)

7. Cấu trúc Tập đoàn

7.1. Tổng số các công ty Con:

Tập đoàn có mười (10) công ty Con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

7.2. Danh sách các công ty Con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có mười (10) công ty Con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:



Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC Trụ sở hoạt động: Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại SMC Trụ sở hoạt động: Đường số 5, KCN Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC Trụ sở hoạt động: Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước Trụ sở hoạt động: Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng Trụ sở hoạt động: Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo Trụ sở hoạt động: Lô 33 đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ Trụ sở hoạt động: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ Trụ sở hoạt động: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thiết bị - Tự động SMC Phú Mỹ Trụ sở hoạt động: Đường số 9, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO Trụ sở hoạt động: Đường 1A, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	75%	75%	75%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.3. Danh sách các công ty Liên kết, Liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có ba (03) công ty Liên kết, Liên doanh, cụ thể như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH SMC - Summit	50%	50%	50%
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	35%	35%	35%
Công ty TNHH SMC - Toami	25%	25%	25%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tập đoàn áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016 ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty Con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty Con, và chấm dứt vào ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các công ty Con.

Các báo cáo tài chính của các công ty Con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty Con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty Con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty Con.

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua công ty Con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty Con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ,

Tập đoàn đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Xác định tỷ giá quy đổi các giao dịch phát sinh

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tập đoàn thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2023.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2023.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu

Đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu, Tập đoàn chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư không phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty/Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Hàng tồn kho (tt)

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. (Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.)

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định (TSCĐ)

7.1. TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất

được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

7.2. TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 (trước 01/07/2004) mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7.3. TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.4. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:	Thời gian mới	Thời gian cũ
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30 năm	04 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 20 năm	06 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	01 - 15 năm	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15 năm	03 - 08 năm
Tài sản cố định thuê tài chính	06 - 15 năm	06 - 15 năm
Chương trình phần mềm	02 - 20 năm	02 - 20 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay) có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra

lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau: Cơ sở hạ tầng 25 năm

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Tập đoàn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36/tháng.

Tiền thuê đất trả trước: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ theo Hợp đồng lao động và Quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng với tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương cơ bản của người lao động..

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn

sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán trong trường hợp Tập đoàn đã giao hàng hóa cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

14. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

15. Các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

17. Trái phiếu

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội được áp dụng theo phương pháp đường thẳng

- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

20. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ

thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; lãi chuyển nhượng vốn)...

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, ...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các lương nhân viên bộ phận bán hàng; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, hoa hồng bán hàng, đóng gói, vận chuyển, ...

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

24. Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Tập đoàn trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các

khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế suất Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế; đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai nên Tập đoàn đã không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Tập đoàn là 20%, riêng Công ty TNHH Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ và Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ là được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án đầu tư mới liên quan đến sản xuất thép cao cấp, thép hợp kim như sau: thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm kể từ khi có doanh thu; miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tính từ năm đầu tiên công ty này có phát sinh thu nhập chịu thuế từ dự án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

24. Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tt)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

25. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

26. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không

được niêm yết và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

27. Các bên liên quan

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);

(ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết");

(iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

27. Các bên liên quan (tt)

(v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

28. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2023	01/01/2023
Tiền	127.210.791.326	230.149.809.578
Tiền mặt	475.400.438	579.071.597
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.735.390.888	229.570.737.981
Các khoản tương đương tiền	542.500.000.000	583.783.395.979
(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (lãi suất từ 0,2% - 4,2%/năm)	542.500.000.000	583.783.395.979
Cộng	669.710.791.326	813.933.205.557

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng được sử dụng để cầm cố nhằm đảm bảo một phần cho các khoản vay tại các ngân hàng: Xem thuyết minh V.22.

2. Các khoản đầu tư tài chính: (Xem trang 142-143).

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.999.235.012.077	(553.277.864.948)	2.705.293.426.922	(50.328.671.893)
Khách hàng trong nước (*)	1.972.809.456.256	(553.277.864.948)	2.582.134.518.377	(50.328.671.893)
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	20.685.668.724	(97.174.445)	155.324.884.567	-
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	440.796.852.909	(179.689.483.528)	440.796.852.909	-
Công ty CP Thép Trường Sơn	-	-	110.913.110.000	-
Công ty TNHH SX TM Cơ khí Hiếu Hạnh	37.508.117.248	-	200.850.486.679	-
Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	169.260.183.239	(65.665.149.920)	169.260.183.239	-
Công ty TNHH The Forest City	131.505.957.524	(52.622.295.424)	131.505.957.524	-
Phải thu các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	64.849.090.929	-	102.856.022.049	-
Các khách hàng khác	1.108.203.585.683	(255.203.761.631)	1.270.627.021.410	(50.328.671.893)
Khách hàng nước ngoài (1,097,113.83 USD)	26.425.555.821	-	123.158.908.545	-
HQ Co., Ltd.	-	-	34.551.287.200	-
Eoun Steel Co., Ltd.	10.790.536.719	-	45.253.339.125	-
Các khách hàng khác	15.635.019.102	-	43.354.282.220	-
Cộng	1.999.235.012.077	(553.277.864.948)	2.705.293.426.922	(50.328.671.893)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng (tt)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn	20.341.137.042	(20.341.137.042)	20.491.137.042	(20.491.137.042)
Khách hàng trong nước	20.341.137.042	(20.341.137.042)	20.491.137.042	(20.491.137.042)
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	16.731.432.764	(16.731.432.764)	16.731.432.764	(16.731.432.764)
Các khách hàng khác	3.609.704.278	(3.609.704.278)	3.759.704.278	(3.759.704.278)
Cộng	2.019.576.149.119	(573.619.001.990)	2.725.784.563.964	(70.819.808.935)

(*) Trong đó, bao gồm số dư phải thu khách hàng trong nước có gốc ngoại tệ là 129,382.07 USD tương đương 3.114.743.953 VND.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nhà cung cấp trong nước	76.923.184.723	(11.900.000)	214.997.334.067	(10.000.000)
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	-	-	43.157.310.118	-
Công ty TNHH Sắt Thép Thiên Ân	28.940.190.558	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng K.N.G	12.000.000.000	-	93.852.588.000	-
Các đối tượng khác	35.982.994.165	(11.900.000)	77.987.435.949	(10.000.000)
Nhà cung cấp nước ngoài (269,214.46 USD)	6.529.707.250	-	2.952.855.193	-
Hunan Xinchao Machinery Equipment Co., Ltd.	-	-	2.952.855.193	-
Hyundai Corporation	5.548.175.926	-	-	-
Các đối tượng khác	981.531.324	-	-	-
Cộng	83.452.891.973	(11.900.000)	217.950.189.260	(10.000.000)

5. Phải thu khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	34.212.330.986	-	52.010.270.947	-
Dự thu lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	7.659.119.558	-	11.347.857.352	-
Phải thu về khoản chiết khấu được hưởng	5.830.839.041	-	19.397.876.940	-
Thuế GTGT thuê tài chính chờ kết chuyển	13.739.059.312	-	13.177.565.283	-
Thuế GTGT để nghị hoàn	4.736.685.198	-	2.220.424.344	-
Phải thu là các bên liên quan	-	-	904.238.070	-
Các khoản tạm ứng	322.000.000	-	365.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	1.799.324.148	-	3.893.291.500	-
Phải thu khác	125.303.729	-	704.017.458	-
b. Dài hạn	35.615.308.034	-	40.560.367.742	-
Ký quỹ thuê tài chính	35.085.308.034	-	33.251.167.742	-
Các khoản ký quỹ khác	530.000.000	-	7.309.200.000	-
Cộng (*)	69.827.639.020	-	92.570.638.689	-

(*) Trong đó, bao gồm khoản ký quỹ thuê tài chính có gốc ngoại tệ là 588,000.00 USD tương đương 14.167.860.000 VND.

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH SMC - Toami (Bên liên quan)	-	-	7.000.000.000	-
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (*)	84.100.000.000	-	-	-
Cộng	84.100.000.000	-	7.000.000.000	-

7. Nợ xấu: (Xem trang 144-146).

8. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	64.977.216.043	-
Nguyên liệu, vật liệu	410.145.501.094	(1.656.862.019)	507.112.373.472	(32.774.257.770)
Công cụ, dụng cụ	37.231.574.821	-	46.286.413.740	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	3.059.875.546	-	595.081.281	-
Thành phẩm	283.440.735.500	(9.556.657.588)	523.255.637.652	(52.545.977.240)
Hàng hoá	120.927.061.339	(2.213.528.067)	521.259.492.420	(13.389.364.810)
Cộng	854.804.748.300	(13.427.047.674)	1.663.486.214.608	(98.709.599.820)

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay phải trả tại thời điểm cuối năm: xem thuyết minh số "V.22 - Vay và nợ thuê tài chính".

- Lý do dẫn đến việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do giá trị thuần có thể thực hiện được của một số mặt hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam



9. Tài sản cố định hữu hình: (Xem trang 147).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục Nguyên giá	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Số dư đầu năm	441.875.757.386	6.675.397.274	448.551.154.660
Tăng trong năm	74.699.391.825	-	74.699.391.825
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(170.259.519.134)	(5.120.851.819)	(175.380.370.953)
Số dư cuối năm	346.315.630.077	1.554.545.455	347.870.175.532
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	105.948.123.582	3.787.296.881	109.735.420.463
Khấu hao trong năm	28.845.410.873	472.459.735	29.317.870.608
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(88.376.939.054)	(3.698.392.980)	(92.075.332.034)
Số dư cuối năm	46.416.595.401	561.363.636	46.977.959.037
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	335.927.633.804	2.888.100.393	338.815.734.197
Số dư cuối năm	299.899.034.676	993.181.819	300.892.216.495

11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Số dư đầu năm	134.276.829.767	12.766.911.341	147.043.741.108
Số dư cuối năm	134.276.829.767	12.766.911.341	147.043.741.108
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	7.694.779.523	7.694.779.523
Khấu hao trong năm	-	879.642.416	879.642.416
Số dư cuối năm	-	8.574.421.939	8.574.421.939
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	134.276.829.767	5.072.131.818	139.348.961.585
Số dư cuối năm	134.276.829.767	4.192.489.402	138.469.319.169

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay: 134.276.829.767 VND.
Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.765.013.816 VND.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê (Cơ sở hạ tầng) (*)

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	
Nguyên giá	9.080.842.650	-	-	9.080.842.650
Giá trị hao mòn lũy kế	1.876.707.481	363.233.706	-	2.239.941.187
Giá trị còn lại	7.204.135.169	-	-	6.840.901.463

(*) Mặt bằng kinh doanh thương mại tầng 2 - Dự án Linh Tây Tower, diện tích 616,2 m2. Hiện tại, bất động sản này đang được cho thuê.

Tập đoàn chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023, nên vẫn ghi nhận bất động sản đầu tư theo giá trị ghi sổ tại bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất này.

	31/12/2023	01/01/2023
13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm tài sản cố định	-	37.143.064.872
Các khoản chi phí tư vấn, thiết kế dự án xây dựng nhà xưởng 5 ha	5.500.000.000	5.500.000.000
Chi phí xây dựng nhà xưởng, nhà kho, văn phòng tại Đà Nẵng (*)	39.622.998.733	52.071.328.295
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	4.892.848.657	771.856.477
Cộng	50.015.847.390	95.486.249.644

(*) Tính đến thời điểm hiện tại, giai đoạn 2 của dự án chưa hoàn thiện do còn thực hiện lắp đặt và nghiệm thu phòng cháy chữa cháy và kèm theo một số hạng mục chưa quyết toán xong. Công ty TNHH SMC Đà Nẵng vẫn đang thúc đẩy tiến độ dự án công trình.

	31/12/2023	01/01/2023
14. Chi phí trả trước		
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	8.884.496.238	11.972.241.904
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.354.238.055	7.142.388.076
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	-	344.997.405
Chi phí chờ phân bổ khác	5.530.258.183	4.484.856.423
b. Chi phí trả trước dài hạn	368.206.756.618	378.503.943.418
Tiền thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	327.472.914.179	340.283.882.471
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	15.374.457.651	14.331.523.086
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	9.658.118.809	9.948.360.826
Chi phí chờ phân bổ khác	15.701.265.979	13.940.177.035
Cộng	377.091.252.856	390.476.185.322

(*) Bao gồm:	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí thuê đất tại KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	-	1.365.847.507
Chi phí thuê đất tại Lô 33 - đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo mở rộng, Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	38.207.667.890	39.622.766.702
Chi phí thuê đất tại đường số 2, KCN Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng	23.494.658.333	24.264.974.999
Chi phí thuê đất tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.325.382.977	1.325.382.977
Chi phí thuê đất tại KCN Phú Mỹ I (5 ha) tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	5.013.872.045	5.013.872.045
Chi phí thuê đất tại KCN Phú Mỹ II, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	166.007.858.995	171.277.949.757
Chi phí nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh (***)	93.423.473.939	97.413.088.484
Cộng	327.472.914.179	340.283.882.471

(**) Khoản trả trước tiền thuê đất tương ứng 12 tháng tiền thuê đất được miễn theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 10/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang chờ xử lý.

	31/12/2023	01/01/2023
15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	12.261.604.770	12.291.604.770
Chi phí khấu hao	1.607.418.245	1.996.099.648
Chi phí thuê nhà xưởng	161.107.526	190.662.317
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	38.692.000	8.796.107
Cộng	14.068.822.541	14.487.162.842



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả (tt)	31/12/2023	01/01/2023
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	41.770.212.425	41.770.212.425
Cộng	41.770.212.425	41.770.212.425

16. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà cung cấp trong nước	1.335.466.782.854	1.335.466.782.854	2.144.057.780.246	2.144.057.780.246
Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	638.202.817.115	638.202.817.115	896.994.147.055	896.994.147.055
Công ty TNHH Marubeni- Itochu Steel Việt Nam	62.505.199.047	62.505.199.047	476.683.465.665	476.683.465.665
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	78.014.632.023	78.014.632.023	164.040.295.948	164.040.295.948
Phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	256.769.301.863	256.769.301.863	245.989.711.700	245.989.711.700
Các đối tượng khác	299.974.832.806	299.974.832.806	360.350.159.878	360.350.159.878
Nhà cung cấp nước ngoài (27,612,658.93 USD)	674.311.908.008	674.311.908.008	532.366.907.156	532.366.907.156
Sino Commodities International Pte Ltd.	-	-	129.016.463.076	129.016.463.076
China Steel Global Trading Corporation	83.451.502.141	83.451.502.141	76.610.076.516	76.610.076.516
WuChan ZhongDa International Group Co., Ltd.	121.681.635.583	121.681.635.583	-	-
Arsen International (HK) Limited Trading Corporation	218.696.322.418	218.696.322.418	-	-
Phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	-	-	112.810.017.337	112.810.017.337
Các đối tượng khác	250.482.447.866	250.482.447.866	213.930.350.227	213.930.350.227
Cộng	2.009.778.690.862	2.009.778.690.862	2.676.424.687.402	2.676.424.687.402

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Khách hàng trong nước	62.274.200.890	109.673.175.225
Công ty CP Đầu tư Địa ốc No Va	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH TMDV Minh Hiến	496.672.000	18.046.600.000
Các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	92.000.000	51.229.600
Các đối tượng khác	21.685.528.890	51.575.345.625
Khách hàng nước ngoài (148,617.32 USD)	3.580.544.480	4.244.721.190
Các khách hàng khác	3.580.544.480	4.244.721.190
Cộng	65.854.745.370	113.917.896.415

18. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn	28.987.259	-	-	28.987.259
Thuế TNDN nộp thừa	1.416.059.861	-	-	1.416.059.861
Thuế TNCN nộp thừa	99.868.691	(553.423.969)	331.474.534	984.767.194
Cộng	1.544.915.811	(553.423.969)	331.474.534	2.429.814.314
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	60.172.262.097	55.032.162.231	5,140,099,866
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	221.780.736.907	221.780.736.907	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13,894,291,354	12,079,868,741	11,756,881,032	14,217,279,063
Thuế thu nhập cá nhân	665,866,191	1,619,616,572	2,133,728,967	151,753,796
Thuế nhà thầu	-	35,131,607	35,131,607	-
Thuế nhập khẩu	-	445,937,544	445,937,544	-
Các loại thuế khác	-	1,110,094,972	1,110,094,972	-
Cộng	14,560,157,545	297,243,648,440	292,294,673,260	19,509,132,725

19. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí lãi vay, thuế tài chính còn phải trả	5,009,444,955	5,764,015,472
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	8,340,079,994	8,295,870,514
Trích trước chi phí sản xuất	1,671,824,910	5,044,271,658
Chi phí lương phải trả	4,091,422,502	-
Thủ lao HĐQT phải trả	2,260,505,110	2,260,505,110
Chi phí còn phải trả khác	8,384,619,190	5,692,765,339
Cộng	29,757,896,661	27,057,428,093

20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	31/12/2023	01/01/2023
Doanh thu nhận trước từ việc cung cấp dịch vụ	315,480,900	420,641,202
Cộng	315,480,900	420,641,202

21. Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	77,435,000	331,956,000
Khoản phải trả về việc thanh toán cho L/C Upas	189,800,000,000	148,448,327,461
Các khoản phải trả khác	337,970,286	344,091,076
Cộng	190,215,405,286	149,124,374,537



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Vay và nợ thuê tài chính

31/12/2023

01/01/2023

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	2.685.470.160.731	2.685.470.160.731	3.004.102.523.373	3.004.102.523.373
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	548.844.872.269	548.844.872.269
(1) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.295.864.268.157	1.295.864.268.157	1.163.009.746.667	1.163.009.746.667
(1) Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	146.353.635.555	146.353.635.555	26.520.840.786	26.520.840.786
(1) Ngân hàng TNHH CTBC	102.834.819.893	102.834.819.893	82.137.859.231	82.137.859.231
(1) Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM	98.555.073.010	98.555.073.010	-	-
(1) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	299.972.011.400	299.972.011.400	395.737.829.272	395.737.829.272
(1) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	168.379.436.137	168.379.436.137	259.359.070.247	259.359.070.247
(1) Ngân hàng TMCP Quân Đội	172.219.043.039	172.219.043.039	156.636.023.436	156.636.023.436
(1) Ngân hàng TMCP Tiên Phong	71.138.493.038	71.138.493.038	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	-	161.260.972.627	161.260.972.627
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
(2)Vay cá nhân	32.430.000.000	32.430.000.000	290.000.000	290.000.000
(3)Vay doanh nghiệp	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	294.723.380.502	294.723.380.502	90.305.308.838	90.305.308.838
b. Vay dài hạn	105.349.008.760	105.349.008.760	145.586.527.081	145.586.527.081
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	1.531.285.760	1.531.285.760
(4) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	51.800.000.006	51.800.000.006	67.383.333.331	67.383.333.331
(4) Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	68.349.008.750	68.349.008.750	93.203.193.750	93.203.193.750
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(14.799.999.996)	(14.799.999.996)	(16.531.285.760)	(16.531.285.760)
c. Nợ thuê tài chính dài hạn	113.306.146.657	113.306.146.657	115.145.554.289	115.145.554.289
(5) Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease	17.658.145.069	17.658.145.069	17.577.570.448	17.577.570.448
(6) Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	56.239.822.580	56.239.822.580	75.277.451.265	75.277.451.265
(7) Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	120.229.539.320	120.229.539.320	96.064.555.654	96.064.555.654
Nợ dài hạn đến hạn trả	(80.821.360.312)	(80.821.360.312)	(73.774.023.078)	(73.774.023.078)

22. Vay và nợ thuê tài chính (tt)

31/12/2023

01/01/2023

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
d. Trái phiếu (theo mệnh giá)	113.174.999.991	113.174.999.991	310.637.626.253	310.637.626.253
(8) Bên liên quan	113.450.000.000	113.450.000.000	113.450.000.000	113.450.000.000
(9) Đối tượng khác	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(1.172.979.815)	(1.172.979.815)	(2.812.373.747)	(2.812.373.747)
Nợ trái phiếu đến hạn trả	(199.102.020.194)	(199.102.020.194)	-	-
Cộng	3.017.300.316.139	3.017.300.316.139	3.575.472.230.996	3.575.472.230.996

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

a. Ngắn hạn

Tất cả các khoản vay ngân hàng nêu trên có lãi suất vay dao động từ 5% - 8,2%/năm.

(1) Tại ngày 31/12/2023, các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Tài sản hình thành từ vốn vay;
 - Một số khoản phải thu và hàng tồn kho luân chuyển;
 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
 - Quyền tài sản đối với phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Thương mại SMC và Công ty TNHH Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ;
 - Một số hợp đồng tiền gửi;
 - Một số máy móc, thiết bị;
 - Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê lại đất tại KCN Phú Mỹ II và toàn bộ công trình trên đất thuê;
- (2) Khoản vay Cá nhân theo các hợp đồng vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động theo hình thức tín chấp; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay là 6%/năm. Tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.
- (3) Là khoản nhận hỗ trợ tài chính từ Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Trung Việt không lãi suất, tín chấp.

b. Vay dài hạn

(4) Tại ngày 31/12/2023, các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Bất động sản tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 53, lô số 62-64, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân;
- Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê lại đất tại KCN Phú Mỹ II và toàn bộ công trình trên đất thuê.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Vay và nợ thuê tài chính (tt)

c. Nợ thuê tài chính dài hạn

Tất cả các khoản nợ thuê tài chính có lãi suất thuê tại 31/12/2023 dao động từ 7,14% - 12,36%/năm.

Số hợp đồng	Tài sản thuê	Thời gian thuê	Số dư nợ thuê tại 31/12/2023	Nợ thuê tài chính đến hạn trả
-------------	--------------	----------------	------------------------------	-------------------------------

(5) Nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease

C200339102 ngày 17/7/2020	Dây chuyên xà bằng thép cuộn	60 tháng	2.520.069.750 VND	1.591.623.000 VND
C210139202 ngày 29/01/2021	Máy quang phổ phân tích thành phần kim loại	60 tháng	443.591.200 VND	204.734.400 VND
B210445801 ngày 28/4/2021	Xe ô tô tải hiệu Hino	60 tháng	872.100.000 VND	307.800.000 VND
C220714302 ngày 29/9/2022	Máy kiểm tra đặc tính cơ lý của vật liệu đồng	60 tháng	1.036.728.000 VND	311.018.396 VND
C211026802 ngày 03/11/2021	Dây chuyên sản xuất ống thép hàn	60 tháng	7.285.370.400 VND	2.571.307.200 VND
C221149002 ngày 21/12/2022	Hai dây chuyên sản xuất ống thép hàn	42 tháng	5.500.285.719 VND	2.129.142.852 VND

(6) Nợ thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

82.20.13/CTTC ngày 09/12/2020	Dây chuyên tẩy gỉ 850mm	60 tháng	6.188.449.578 VND	2.267.995.932 VND
82.21.03/CTTC ngày 10/3/2021	Hệ thống xử lý axit	48 tháng	3.401.993.892 VND	2.267.995.932 VND
54.22.05/CTTC ngày 04/4/2022	Dây chuyên xà bằng 0.3-3.0X850mm	60 tháng	3.850.855.176 VND	962.713.788 VND
54.22.06/CTTC ngày 26/12/2022	Cầu trục dầm đôi 15Tx22,5/22,7m	60 tháng	2.491.843.044 VND	622.960.764 VND
82.22.02/CTTC ngày 26/4/2022	Dây chuyên ép - chấn - dập liên hoàn	72 tháng	40.306.680.890 VND	9.301.541.736 VND

(7) Nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:

2021-00035-000 ngày 17/5/2021	Dây chuyên cắt	60 tháng	15.974.382.501 VND	5.476.931.148 VND
2021-00037-000 ngày 17/5/2021	Dây chuyên cắt	60 tháng	5.307.677.995 VND	1.533.466.744 VND
2021-00120-000 ngày 29/7/2021	Dây chuyên máy đột dập	60 tháng	2.361.972.83 USD 57.691.186.373 VND	674.849.4 USD 16.483.196.596 VND
2022-00253-000 ngày 18/10/2022	Bốn hệ thống Máy cán ống thép	60 tháng	41.256.292.451 VND	9.707.362.932 VND

22. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

d. Trái phiếu (theo mệnh giá)

(8) Vào ngày 08/10/2021, Công ty đã phát hành 113.450 trái phiếu SMCH2126002 theo mệnh giá (1.000.000 VND/trái phiếu) với tổng giá trị là 113.450.000.000 VND cho Bên liên quan (xem thuyết minh X.3) theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 578/2021/HĐMTP/SMCH2126002. Thời hạn: 05 năm. Lãi suất trái phiếu tại ngày 31/12/2023: 5,38%-5,45%/năm. Mục đích: bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Kỳ tính lãi là 01 năm liên tục kể từ ngày phát hành. Tài sản đảm bảo: toàn bộ phần vốn góp (35% vốn điều lệ) của Công ty tại Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội.

(9) Vào ngày 02/8/2021, Công ty đã phát hành 200 trái phiếu SMCH2124001 theo mệnh giá (1.000.000.000 VND/trái phiếu) với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND cho Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu số 541/SMC_SSV và 542/SMC_SHBVN ngày 26/7/2021. Thời hạn: 03 năm. Lãi suất trái phiếu cố định: 8,2%/năm. Mục đích: bổ sung vốn lưu động. Kỳ tính lãi là 06 tháng/lần kể từ ngày phát hành. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này gồm 9,1 triệu cổ phiếu của Công ty CP Thép Nam Kim và cổ phiếu của Công ty thuộc sở hữu của bên thứ ba (cổ đồng Công ty) với số lượng đủ đáp ứng giá trị trái phiếu trên giá trị đảm bảo tối thiểu 60%. Số dư trái phiếu này đã đến hạn trả.

Vào ngày 02/02/2024, Công ty đã tiến hành mua lại trước hạn 200 trái phiếu này theo Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐQT ngày 17/01/2024. Mục đích mua lại là giảm nợ vay, tái cấu trúc các khoản nợ vay.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: (Xem trang 148).

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2023	01/01/2023
Hanwa Co., Ltd.	19,57%	144.164.760.000	144.164.760.000
Nguyễn Thị Ngọc Loan	14,24%	104.901.940.000	104.901.940.000
Nguyễn Cẩm Vân	13,82%	101.818.210.000	101.818.210.000
Nguyễn Hữu Kính Luân	4,76%	35.042.800.000	35.237.800.000
Các cổ đông khác	47,62%	350.858.160.000	350.663.160.000
Cộng	100%	736.785.870.000	736.785.870.000

c. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	31/12/2023	01/01/2023
Các thành viên góp vốn thuộc Công ty TNHH Liên doanh Ống Thép SENDO	(22.566.013.323)	17.443.949.820
Cộng	(22.566.013.323)	17.443.949.820

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2023	Năm 2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	736.785.870.000	609.946.910.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	126.838.960.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	736.785.870.000	736.785.870.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	157.300.430.500

e. Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	73.678.587	73.678.587
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	73.678.587	73.678.587
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(71.750)	(71.750)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(71.750)	(71.750)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.606.837	73.606.837
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	73.606.837	73.606.837
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Ngoại tệ - USD	1.370.293,99	33.013.608.912	2.481.096,32	58.054.119.929
Cộng	1.370.293,99	33.013.608.912	2.481.096,32	58.054.119.929

b. Các khoản nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2023	01/01/2023
	98.677.315.019	98.677.315.019
Cộng	98.677.315.019	98.677.315.019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm	13.613.420.761.813	23.050.256.075.304
Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.587.480.251	102.403.165.848
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.080.172.728	1.482.810.253
Doanh thu bán phế liệu	18.532.712.468	33.372.480.377
Cộng doanh thu	13.703.621.127.260	23.187.514.531.782

Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2023	Năm 2022
Hàng bán bị trả lại	(1.931.567.322)	(3.966.380.240)
Giảm giá hàng bán	(113.525.352)	(1.968.332.826)
Cộng doanh thu thuần	13.701.576.034.586	23.181.579.818.716
(*) Trong đó, bao gồm:		
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	508.934.261.689	418.348.758.581

2. Giá vốn hàng bán	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán	13.724.925.910.700	23.238.800.753.810
Giá vốn cho thuê bất động sản	363.233.706	363.233.706
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(85.282.552.146)	(19.960.367.194)
Cộng	13.640.006.592.260	23.219.203.620.322

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, lãi kỳ quỹ, trái phiếu và lãi cho vay	60.464.749.440	57.198.735.564
Lãi ứng vốn	416.547.946	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.920.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41.440.271.188	41.687.150.442
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.218.057.341	10.075.126.527
Chiết khấu thanh toán được hưởng	2.574.839.478	8.645.162.770
Cộng	117.034.465.393	117.606.175.303

4. Chi phí tài chính	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính, lãi trái phiếu	265.581.768.849	240.908.082.012
Chi phí dự phòng dự phòng đầu tư tài chính	1.115.153.333	23.721.650.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.383.544.383	54.749.384.930
Chi phí tài chính khác	49.001.546.021	48.477.120.806
Cộng	340.082.012.586	367.856.237.748

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2023	Năm 2022
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	32.211.353.349	36.476.796.006
Quỹ lương dự phòng và thưởng (hoàn nhập)	1.152.813.381	(9.977.778.806)
Chi phí đồ dùng văn phòng	287.409.320	752.729.997
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.507.889.574	5.765.225.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.103.239.412	164.386.300.989
- <i>Chi phí vận chuyển</i>	56.583.178.826	131.857.469.938
- <i>Chi phí khác</i>	18.520.060.586	32.528.831.051
Chi phí bằng tiền khác	8.578.953.477	12.382.624.204
Cộng	122.841.658.513	209.785.898.048

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tt)	Năm 2023	Năm 2022
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	37.050.241.672	40.141.963.167
Quỹ lương dự phòng và thưởng (hoàn nhập)	760.919.214	(18.392.605.228)
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.613.440.425	2.324.652.767
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.231.479.010	10.526.775.540
Thuế, phí, lệ phí	210.440.971	159.040.681
Dự phòng phải thu khó đòi	502.801.093.055	7.861.638.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.704.616.854	64.263.996.242
Chi phí bằng tiền khác	6.851.622.283	16.547.843.481
Cộng	623.223.853.484	123.433.305.078
6. Thu nhập khác	Năm 2023	Năm 2022
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	13.903.721.243	323.410.925
Thu nhập phát sinh từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	22.184.518.415	-
Thu nhập do hoàn thuế xuất nhập khẩu	-	12.567.194.165
Thu nhập từ nhận bồi thường, thu chậm thanh toán, thu lãi quá hạn	67.688.433	5.830.547.707
Thu nhập do nhượng bán công cụ tự chế tạo, sửa chữa tài sản	-	335.925.306
Thu nhập do hoàn nhập thù lao HĐQT năm 2021	-	4.484.242.335
Thu nhập từ nhận hỗ trợ chi phí bán hàng	998.434.537	3.711.675.699
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản thuê tài chính	2.868.702.779	3.053.230.556
Thu nhập khác	6.976.512.057	1.952.400.883
Cộng	46.999.577.464	32.258.627.576
7. Chi phí khác	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí liên quan đến thuế	3.324.154.648	229.892.590
Chi phí khấu hao tài sản thuê tài chính cho thuê	2.688.419.470	2.422.253.367
Chi phí thuê đất liên quan đến dự án "Nhà máy thép công nghiệp phụ trợ SMC"	-	2.493.786.595
Chi phí chế tạo công cụ đã nhượng bán	-	287.258.000
Chi phí chậm thanh toán	36.647.640.923	399.491.603
Chi phí khác	3.585.834.951	2.112.590.164
Cộng	46.246.049.992	7.945.272.319
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.338.203.495.095	3.395.615.282.117
Chi phí nhân công	175.298.364.192	151.210.120.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.449.905.481	130.984.737.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	615.521.414.765	1.006.112.827.506
Chi phí khác bằng tiền	27.009.855.374	36.634.097.391
Cộng	2.260.483.034.907	4.720.557.065.011

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hiện hành phát sinh tại các công ty:		
Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	7.879.774.943	1.421.973.624
Công ty TNHH Thép SMC	1.949.117.050	11.313.426.160
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	2.250.976.748	977.978.607
Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng	-	353.149.186
Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Senco	-	1.266.566.507
Cộng	12.079.868.741	15.333.094.084

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(925.299.043.177)	(651.831.083.741)
Trong đó:		
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(40.009.963.143)	(72.842.636.075)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	(885.289.080.034)	(578.988.447.666)
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông công ty mẹ (*)	(885.289.080.034)	(578.988.447.666)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	73.606.837	66.096.783
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(12.027)	(8.760)

(*): Khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được tính trừ phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định hiện hành. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2023 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phân phối lợi nhuận.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(885.289.080.034)	(578.988.447.666)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	(885.289.080.034)	(578.988.447.666)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	73.606.837	66.096.783
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	73.606.837	66.096.783
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(12.027)	(8.760)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản Tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng, các khoản vay và nợ phải trả khác.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền, các khoản cho vay và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Năm 2023		
VND	+100	(18.208.154.014)
VND	-100	18.208.154.014
USD	+100	(312.230.276)
USD	-100	312.230.276
Năm 2022		
VND	+100	(20.765.128.081)
VND	-100	20.765.128.081
USD	+100	266.593.539
USD	-100	(266.593.539)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt và các khoản tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Năm 2023	+ 1%	(6.759.946.358)
	- 1%	6.759.946.358
Năm 2022	+ 1%	(3.825.486.447)
	- 1%	3.825.486.447

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom của Tập đoàn là 100.655.651.667 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 101.770.805.000 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 10.065.565.167 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 10.065.565.167 VND.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Quá hạn bị suy giảm
>181 ngày		1.313.916.139.002
Tổng cộng giá trị ghi sổ		1.313.916.139.002
Dự phòng giảm giá trị		(573.630.901.990)
Giá trị thuần		740.285.237.012

Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Quá hạn bị suy giảm
>181 ngày		98.231.073.367
Tổng cộng giá trị ghi sổ		98.231.073.367
Dự phòng giảm giá trị		(70.829.808.935)
Giá trị thuần		27.401.264.432

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	2.685.470.160.731	331.830.155.408	-	3.017.300.316.139
Phải trả người bán	2.009.778.690.862	-	-	2.009.778.690.862
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	219.895.866.947	-	-	219.895.866.947
Cộng	4.915.144.718.540	331.830.155.408	-	5.246.974.873.948

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	3.004.102.523.373	571.369.707.623	-	3.575.472.230.996
Phải trả người bán	2.676.424.687.402	-	-	2.676.424.687.402
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	175.849.846.630	-	-	175.849.846.630
Cộng	5.856.377.057.405	571.369.707.623	-	6.427.746.765.028

Rủi ro thanh khoản là cao. Tập đoàn tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng tài sản cố định, quyền sử dụng đất, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng, hàng tồn kho và quyền góp vốn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 22 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty đã sử dụng tài sản của bên thứ ba làm tài sản thế chấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH: (Xem trang 149)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường UpCom được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoài các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT.

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2023	Năm 2022
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	9.554.473.325.694	14.856.459.580.103
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2023	Năm 2022
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	10.117.344.507.813	14.974.459.823.802

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Công ty cam kết bảo lãnh, không hủy ngang và vô điều kiện đối với toàn bộ số tiền vay mà các công ty Con vay từ các ngân hàng.

Đối với khoản phải thu từ Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Vạn Phú (35.336.394.237 VND) được bảo lãnh bởi Ngân hàng TMCP Quân đội: Công ty đang khởi kiện vụ việc này để yêu cầu bên Bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Đối với các khoản phải thu từ: Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình, Công ty CP Hưng Thịnh INCONS, từ các công ty thành viên của Công ty CP Đầu tư Địa ốc NOVA: Mặc dù các doanh nghiệp này đang có những khó khăn nhất định, Công ty tin tưởng về khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu này.

Đối với khoản phải thu từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan (41.428.079.058 VND), Tập đoàn đã thu được 10.000.000.000 VND vào tháng 12 năm 2023. Đây là khoản tiền bà Loan nhận tiền đặt cọc từ thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 73 Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Công ty nhận định tin tưởng về khả năng thu hồi đầy đủ đối với khoản phải thu này.

Theo đánh giá của Tập đoàn, đến thời điểm lập báo cáo này, không có bất kỳ khoản nợ tiềm tàng và cam kết nào có ảnh hưởng trọng yếu mà cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Nhận định được các khó khăn hiện tại, Tập đoàn luôn nỗ lực và linh hoạt đưa ra những giải pháp để ổn định và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh như duy trì tồn kho ở định mức hợp lý, sử dụng nguồn tiền gửi có kỳ hạn, đẩy mạnh hoạt động bán lẻ và xuất khẩu, cũng như khai thác có hiệu quả lĩnh vực sản xuất gia công để hỗ trợ cho hoạt động thương mại có thể đang còn khó khăn.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Vào ngày 03/01/2024, HĐQT của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐQT về việc thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty; Cập nhật thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp về ngành, nghề đăng ký kinh doanh.

Theo Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐQT ngày 15/01/2024, Hội đồng Quản trị của Công ty thống nhất thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền với đất tại Lô số 62-64 đường số 3, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Tp.HCM với giá chuyển nhượng là 126 tỷ VND.

Vào ngày 17/01/2024, HĐQT của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐQT về việc mua lại trước hạn 200 trái phiếu SMCH2124001. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã mua lại thành công.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (tt)

Theo Quyết định số 28/QĐ-BQL ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Ban Quản lý các Khu Công nghiệp về việc thu hồi giấy đăng ký đầu tư dự án mở rộng nhà máy sản xuất gia công các sản phẩm sau thép. Theo đó, Công ty Đầu tư và Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp Đông Xuyên và Phú Mỹ 1 phải thanh toán lại tiền thuê đất cho Công ty TNHH Thép SMC tiền thuê đất theo biên bản thanh lý số 01/TLHD/TLĐ/IZICO ngày 12/01/2024.

Từ ngày 05/02/2024 đến ngày 04/3/2024, Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu của NKG thuộc sở hữu của Công ty.

Tập đoàn không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	Công ty con của nhà đầu tư
Công ty TNHH SMC - Summit	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty TNHH SMC - Toami	Công ty liên kết
Hanwa Co., Ltd.	Nhà đầu tư
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Nguyên	Thành viên HĐQT
Ông Kishimoto Hideki	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/01/2024)
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24/3/2023)
Ông Nguyễn Văn Lâm	Kế toán trưởng

b. Trong năm, Tập đoàn có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Năm 2023	Năm 2022
Công ty TNHH SMC - Summit	469.356.854.683	399.352.684.340
Công ty TNHH SMC - Toami	8.781.280.491	525.306.852
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	1.140.073.500	3.420.105.000
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	23.505.647.742	15.050.662.389
Hanwa Co., Ltd.	6.150.405.273	-

Cộng 508.934.261.689 418.348.758.581

Thu nhập khác	Năm 2023	Năm 2022
Công ty TNHH SMC - Summit	390.848.485	342.181.818
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	2.875.702.779	3.060.230.556

Cộng 3.266.551.264 3.402.412.374

Doanh thu tài chính	Năm 2023	Năm 2022
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	969.114.033	1.821.122.428

Mua hàng hóa và nhận cung cấp dịch vụ	Năm 2023	Năm 2022
Công ty TNHH SMC - Summit	538.864.011.203	564.540.800.632
Công ty TNHH SMC - Toami	59.019.278	786.988.713
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	361.710.567.756	645.748.716.550
Hanwa Co., Ltd.	-	113.097.583.876

Cộng 900.633.598.237 1.324.174.089.771

Chi phí tài chính (lãi vay trái phiếu)	Năm 2023	Năm 2022
Hanwa Co., Ltd.	6.176.749.230	5.890.603.740

c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có số dư với các bên liên quan như sau:

Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH SMC - Toami	-	7.000.000.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH SMC - Summit	22.115.522.810	49.300.927.343
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	250.926.000	267.852.000
Công ty TNHH SMC - Toami	54.803.602	15.181.901
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	999.759.459	1.843.981.747
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	41.428.079.058	51.428.079.058
Cộng	64.849.090.929	102.856.022.049

(*) Giá trị khoản phải thu từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 15 tháng 5 năm 2020. Theo thỏa thuận giữa các bên, Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan cam kết sẽ thanh toán công nợ này ngay sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên tại thời điểm được các bên xác định là phù hợp theo nguyên tắc cao nhất và tốt nhất về lợi ích kinh tế (lợi nhuận thuần) thu được từ giao dịch này cho Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có số dư với các bên liên quan (tt) như sau:

Phải thu khác ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	12.172.486	513.389.585
Công ty TNHH SMC - Summit	-	390.848.485
Cộng	12.172.486	904.238.070
Phải thu khách hàng dài hạn	31/12/2023	01/01/2023
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	3.609.704.278	3.609.704.278
Phải trả người bán	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH SMC - Summit	98.391.687.365	138.319.351.572
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	158.377.614.498	107.670.360.128
Hanwa Co., Ltd.	-	112.810.017.337
Cộng	256.769.301.863	358.799.729.037
Người mua trả tiền trước	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH SMC - Toami	92.000.000	51.229.600
Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Hanwa Co., Ltd.	202.585.403	1.511.212.980
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2023	01/01/2023
Hanwa Co., Ltd.	113.450.000.000	113.450.000.000
+ Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban điều hành	Năm 2023	Năm 2022
Hội đồng quản trị (*)	2.105.261.000	5.987.401.902
Ban Kiểm soát (**)	1.034.724.000	2.818.934.815
Ban Tổng Giám đốc (***)	2.191.285.244	7.679.358.808
Cộng	5.331.270.244	16.485.695.525
(*) Chi tiết thu nhập của Hội đồng quản trị:	Năm 2023	Năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	1.073.470.000	2.750.825.715
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	542.997.000	1.768.751.298
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	488.794.000	867.824.889
Ông Vũ Anh Nguyên	-	300.000.000
Ông Kishimoto Hideki	-	300.000.000
Cộng	2.105.261.000	5.987.401.902
(**) Chi tiết thu nhập của Ban Kiểm soát:	Năm 2023	Năm 2022
Bà Võ Thị Tố Ngân	201.133.000	630.508.556
Bà Lê Thị Cẩm Tú	427.187.000	1.114.536.999
Bà Đặng Thị Thu Trang	406.404.000	1.073.889.260
Cộng	1.034.724.000	2.818.934.815

(***) Chi tiết thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:	Năm 2023	Năm 2022
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	1.140.240.000	2.456.701.666
Ông Trương Văn Minh	-	1.118.216.154
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	628.458.000	1.824.281.332
Ông Nguyễn Văn Tiến	410.050.000	847.561.114
Ông Nguyễn Bình Trọng	12.537.244	1.432.598.542
Cộng	2.191.285.244	7.679.358.808

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: (Xem trang 150-151).

5. Trình bày thay đổi ước tính kế toán

Trong năm 2023, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính (xem thuyết minh số IV.7). Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao năm nay tăng 46.165.170.724 VND.

Năm 2023	Thời gian khấu hao mới	Thời gian khấu hao cũ	Chênh lệch
Chi phí khấu hao	106.710.808.214	152.875.978.938	(46.165.170.724)

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2023, Tập đoàn đã phát sinh khoản lỗ là 925.299.043.177 VND, dẫn đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2023 của Tập đoàn là 168.865.083.788 VND. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.025.135.545.881 VND. Điều trên gây nên quan ngại về khả năng tạo tiền của Tập đoàn để thanh toán cho các khoản công nợ đến hạn thanh toán. Kế hoạch của chủ sở hữu và Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày dưới đây:

- Các khoản nợ ngắn hạn (mã số 310 trên Cân đối kế toán) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5.007.005.374.944 VND. Tập đoàn tin tưởng rằng sẽ nhận được sự hỗ trợ của các nhà cung cấp, ngân hàng và cá nhân bằng việc gia hạn thời gian trả nợ;

- Tăng cường dòng tiền thông qua việc đôn đốc, đề xuất những giải pháp tích cực để thu hồi các khoản nợ còn tồn đọng (quá hạn, tồn đọng), giảm/trả nợ các khoản vay/nợ nhà cung cấp, ... tạo hiệu quả thông qua việc tiết giảm chi phí tài chính/lãi vay ngân hàng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Thông tin về hoạt động liên tục (tt)

- Đối với khách hàng truyền thống, thường xuyên, có khả năng thanh toán tốt nhưng đang tạm thời chưa xoay vòng vốn kịp trong thời gian ngắn: Tạo điều kiện về thời gian thanh toán công nợ, cân nhắc về việc cung cấp tiếp hàng để khách nợ có thể có cơ hội xoay vòng vốn và tạo ra doanh thu để có thể trả nợ tốt hơn; sau đó trao đổi về lộ trình thanh toán cụ thể và đề nghị khách nợ thanh toán đúng hạn theo như cam kết;

Vì vậy, Tập đoàn tin rằng các đánh giá trên là đúng đắn và Tập đoàn vẫn tiếp tục các hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

Tp.HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN VĂN LÂM

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG HUY HIỆP



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn	488.551.095.890	488.551.095.890	686.685.571.204	686.685.571.204
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng (*)	483.551.095.890	483.551.095.890	686.685.571.204	686.685.571.204
- Trái phiếu nắm giữ còn kỳ hạn từ dưới 12 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
b. Dài hạn	7.000.000.000	7.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
- Trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 06 - 10 năm (lãi suất: 6,23% - 8,4%/năm)	7.000.000.000	7.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	495.551.095.890	495.551.095.890	711.685.571.204	711.685.571.204

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng, với lãi suất từ 2,75% đến 8%/năm, dùng để cầm cố/thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng; thuyết minh V.22.

2.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	103.015.255.066	21.669.301.478	124.684.556.544	103.015.255.066	33.144.707.093	136.159.962.159
Công ty TNHH SMC - Summit (**)	41.640.000.000	9.469.851.089	51.109.851.089	41.640.000.000	23.021.141.087	64.661.141.087
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	45.440.755.066	28.133.950.389	73.574.705.455	45.440.755.066	26.058.066.006	71.498.821.072
Công ty TNHH SMC - Toami (**)	15.934.500.000	(15.934.500.000)	-	15.934.500.000	(15.934.500.000)	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tt)

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	165.473.070.097	(26.454.918.430)	139.018.151.667	165.473.070.097	(25.339.765.097)	140.133.305.000
Chứng khoán đã niêm yết						
Công ty CP Thép Pomina (POM)	23.578.570.097	(15.903.585.097)	7.674.985.000	23.578.570.097	(15.333.965.097)	8.244.605.000
Công ty CP Thép Nam Kim (NKG)	89.532.000.000	-	89.532.000.000	89.532.000.000	-	89.532.000.000
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM						
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất (TNS)	14.000.000.000	(10.551.333.333)	3.448.666.667	14.000.000.000	(10.005.800.000)	3.994.200.000
Các công ty khác						
Công ty TNHH VSSC Steel Center (***)	38.362.500.000	-	38.362.500.000	38.362.500.000	-	38.362.500.000
Cộng	268.488.325.163	(4.785.616.952)	263.702.708.211	268.488.325.163	7.804.941.996	276.293.267.159

(**) Quyền góp vốn vào các công ty này đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn: Xem thuyết minh V.22.

Ngoài ra, Tập đoàn đã dùng 1.400.000 cổ phần thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn tại Công ty CP Thép Pomina thế chấp cho Công ty TNHH TM & SX Thép Việt để bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán cho hợp đồng nguyên tắc số 032/HDDCP-23N ký ngày 02/01/2023, thời hạn 01 năm, với tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 250 tỷ VND.

(***) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502447502 ngày 22/02/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH VSSC Steel Center là 255.750.000.000 VND. Tính đến ngày 31/12/2023, Công ty đã góp 38.362.500.000 VND, chiếm 15% vốn điều lệ. Công ty TNHH VSSC Steel Center đã đi vào hoạt động chính thức và năm 2023, công ty này hoạt động có lãi.

Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị có lợi ích công chúng đang giao dịch trên thị trường chứng khoán được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày khóa sổ theo giá trị trường có giá trị tham chiếu đáng tin cậy. Đối với giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty chưa đại chúng, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định trình bày giá trị hợp lý bằng giá trị ghi sổ dựa theo phương pháp vốn chủ sở hữu hoặc bằng giá trị sổ sách dựa theo phương pháp giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7. Nợ xấu

31/12/2023

01/01/2023

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, trả trước người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.313.916.139.002	740.285.237.012		98.231.073.367	27.401.264.432	
Công ty TNHH MTV VLXD CII E&C	4.129.287.200		Khoản phải thu dự phòng (100%)	4.567.073.055		Khoản phải thu dự phòng (100%)
Công ty CP BETON 6	11.603.913.165		- Khoản phải thu dự phòng (100%)	11.603.913.165		- Khoản phải thu dự phòng (100%)
Các đối tượng khác	3.436.970.057		- Các khoản phải thu dự phòng (100%)	4.792.704.849		- Các khoản phải thu dự phòng (100%)
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	16.731.432.764		- Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm khó có	16.731.432.764		- Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm khó có
Các đối tượng khác	12.092.036.746		- khả năng thu hồi	7.222.780.503		- khả năng thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc	22.458.123.986		- Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 2 đến 3 năm	22.458.123.987	6.737.437.195	- Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 2 đến 3 năm
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Nam	26.831.523.592	6.231.100.772	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 năm dưới 3 năm	26.831.523.592	18.782.066.511	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm
Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	169.260.183.239	103.595.033.319	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7. Nợ xấu (tt)

31/12/2023

01/01/2023

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	440.796.852.909	261.107.369.381	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Công ty CP Địa ốc Ngân Hiệp	43.104.688.934	26.473.119.514	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Công ty TNHH Thành phố AQUA	113.638.200.970	68.360.745.359	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Công ty TNHH The Forest City	131.505.957.524	78.883.662.100	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Công ty TNHH Đầu tư và Bất động sản Tường Minh	42.411.175.390	26.506.210.085	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Công ty CP Phát triển Đất Việt	20.352.670.635	14.331.910.033	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Công ty CP Kinh doanh Bất động sản Thái Bình	40.634.441.366	24.976.467.126	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Công ty TNHH Du lịch Bình An	36.173.835.137	20.290.390.109	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Công ty CP Hoàn Vũ	25.730.225.489	15.054.208.047	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7. Nợ xấu (tt)

31/12/2023

01/01/2023

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Công ty CP Hoàng Khang Bình Thuận	14.161.087.740	8.473.064.985	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Công ty CP Khu du lịch Quốc tế Hoàng Long	9.596.514.859	6.240.044.920	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Long Hưng Phát	29.555.066.673	20.249.172.335	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Công ty CP Hưng Thịnh INCONS	63.015.313.735	32.562.820.329	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 2 năm			
Các đối tượng khác	24.696.636.892	14.949.918.598	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng dưới 3 năm	4.023.521.452	1.881.760.726	Khoản phải thu quá hạn từ 1-3 năm
Công ty TNHH Xây dựng K.N.G	12.000.000.000	12.000.000.000	Khoản trả trước quá hạn từ 1 năm dưới 2 năm			

Giá trị có thể thu hồi đang được trình bày là phần giá trị thuần các khoản nợ phải thu chưa lập dự phòng do chưa vượt khoảng thời gian quá hạn như quy định.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	670.598.107.448	560.525.505.101	154.922.100.921	24.115.531.680	1.410.161.245.150
Mua trong năm	-	35.708.543.554	22.983.954.712	948.424.273	59.640.922.539
Đầu tư XDCB hoàn thành	202.363.618.830	16.847.497.063	2.575.731.837	-	221.786.847.730
Tăng do chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	170.274.519.134	5.229.631.819	-	175.504.150.953
Thanh lý, nhượng bán	(6.604.346.701)	(20.901.991.540)	(4.561.736.992)	(121.552.950)	(32.189.628.183)
Số dư cuối năm	867.355.783.207	762.454.073.312	181.149.682.297	24.942.403.003	1.835.901.941.819
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	174.010.792.192	378.112.319.195	96.061.670.608	21.475.169.673	669.659.951.668
Khấu hao trong năm	28.634.574.779	36.266.367.272	10.315.273.538	933.845.895	76.150.061.484
Tăng do chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	88.376.939.054	3.698.392.980	-	92.075.332.034
Thanh lý, nhượng bán	(4.346.082.067)	(5.725.709.347)	(3.799.413.745)	(121.552.950)	(13.992.758.109)
Số dư cuối năm	198.299.284.904	497.029.916.174	106.275.923.381	22.287.462.618	823.892.587.077
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	496.587.315.256	182.413.185.906	58.860.430.313	2.640.362.007	740.501.293.482
Số dư cuối năm	669.056.498.303	265.424.157.138	74.873.758.916	2.654.940.385	1.012.009.354.742

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 140.020.712.045 VND.

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 340.710.756.702 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.23. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022								
Số dư tại ngày 01/01/2022	609.946.910.000	253.132.567.160	682.710.000	(717.500.000)	384.510.005.831	1.081.035.918.581	90.286.585.895	2.418.877.197.467
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(578.988.447.666)	-	(578.988.447.666)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021	-	-	-	-	-	(13.515.760.000)	-	(13.515.760.000)
Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu	121.838.960.000	-	-	-	-	(121.838.960.000)	-	-
Cổ phiếu thưởng ESOP 2021	5.000.000.000	-	-	-	-	(5.000.000.000)	-	-
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	-	(30.461.470.500)	-	(30.461.470.500)
Phân loại lại do chuyển từ công ty Con sang công ty Liên kết	-	-	(682.710.000)	-	(11.687.557.011)	12.370.267.011	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(72.842.636.075)	(72.842.636.075)
Số dư tại ngày 31/12/2022	736.785.870.000	253.132.567.160	-	(717.500.000)	372.822.448.820	343.601.547.426	17.443.949.820	1.723.068.883.226
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023								
Số dư tại ngày 01/01/2023	736.785.870.000	253.132.567.160	-	(717.500.000)	372.822.448.820	343.601.547.426	17.443.949.820	1.723.068.883.226
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(885.289.080.034)	-	(885.289.080.034)
Kết chuyển Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	(372.822.448.820)	372.822.448.820	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(40.009.963.143)	(40.009.963.143)
Số dư tại ngày 31/12/2023	736.785.870.000	253.132.567.160	-	(717.500.000)	-	(168.865.083.788)	(22.566.013.323)	797.769.840.049

(*) Kết chuyển Quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 417/2023/BBH-HĐQT ngày 28/12/2023.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2023		01/01/2023		31/12/2023	01/01/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	495.551.095.890	-	711.685.571.204	-	495.551.095.890	711.685.571.204
Phải thu khách hàng	2.019.576.149.119	(573.619.001.990)	2.725.784.563.964	(70.819.808.935)	1.445.957.147.129	2.654.964.755.029
Phải thu khác	45.199.055.469	-	75.903.410.992	-	45.199.055.469	75.903.410.992
Tiền và các khoản tương đương tiền	669.710.791.326	-	813.933.205.557	-	669.710.791.326	813.933.205.557
TỔNG CỘNG	3.314.137.091.804	(573.619.001.990)	4.334.306.751.717	(70.819.808.935)	2.740.518.089.814	4.263.486.942.782
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	3.017.300.316.139	-	3.575.472.230.996	-	3.017.300.316.139	3.575.472.230.996
Phải trả người bán	2.009.778.690.862	-	2.676.424.687.402	-	2.009.778.690.862	2.676.424.687.402
Chi phí phải trả	29.757.896.661	-	27.057.428.093	-	29.757.896.661	27.057.428.093
Phải trả khác	190.137.970.286	-	148.792.418.537	-	190.137.970.286	148.792.418.537
TỔNG CỘNG	5.246.974.873.948	-	6.427.746.765.028	--	5.246.974.873.948	6.427.746.765.028

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

X.4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đà Nẵng. Tập đoàn phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	TP. HCM	Bình Dương	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đà Nẵng	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
1. Doanh thu thuần	10.000.419.268.533	12.077.264.766	10.331.742.172.142	428.180.984.162	20.772.419.689.603	(7.070.843.655.017)	13.701.576.034.586
Doanh thu thuần từ bán hàng							
ra bên ngoài	7.250.977.539.720	12.077.264.766	6.048.383.362.646	390.137.867.454	13.701.576.034.586	-	13.701.576.034.586
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	2.749.441.728.813	-	4.283.358.809.496	38.043.116.708	7.070.843.655.017	(7.070.843.655.017)	-
2. Tổng chi phí	10.547.166.648.093	19.876.105.475	10.450.393.539.855	439.603.207.841	21.457.039.501.264	(7.070.967.397.007)	14.386.072.104.257
Giá vốn	9.958.436.625.523	12.033.560.816	10.300.078.509.972	429.724.282.204	20.700.272.978.515	(7.060.266.386.255)	13.640.006.592.260
Giá vốn từ bán hàng	7.208.341.461.185	12.033.560.816	6.030.209.726.408	389.421.843.851	13.640.006.592.260	-	13.640.006.592.260
Giá vốn từ bán hàng bán cho bộ phận khác	2.750.095.164.338	-	4.269.868.783.564	40.302.438.353	7.060.266.386.255	(7.060.266.386.255)	-
Chi phí chung	588.730.022.570	7.842.544.659	150.315.029.883	9.878.925.637	756.766.522.749	(10.701.010.752)	746.065.511.997
3. Lợi nhuận tài chính	(139.062.392.001)	409.905.955	(82.929.658.018)	(10.181.725.990)	(231.763.870.054)	8.716.322.861	(223.047.547.193)
4. Lợi nhuận từ hoạt động khác	5.525.697.615	1.177.397.384	(4.881.454.148)	56.572.814	1.878.213.665	(7.135.430.936)	(5.257.217.271)
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	(680.284.073.946)	(6.211.537.370)	(206.462.479.879)	(21.547.376.855)	(914.505.468.050)	1.704.633.915	(912.800.834.135)
6. Tài sản bộ phận	4.684.958.761.065	65.518.681.054	3.986.443.603.361	237.871.197.026	8.974.792.242.506	(2.796.101.178.780)	6.178.691.063.726
Trong đó, tài sản không phân bổ	5.933.656.541	2.621.963.489	4.136.722.183	-	12.692.342.213	1.376.480.328	14.068.822.541
7. Nợ phải trả bộ phận	3.574.220.240.961	33.185.837.456	3.212.768.867.272	224.409.606.605	7.044.584.552.294	(1.663.663.328.617)	5.380.921.223.677
Trong đó, nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	41.770.212.425	41.770.212.425

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

X.4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đà Nẵng. Tập đoàn phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	TP. HCM	Bình Dương	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đà Nẵng	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
1. Doanh thu thuần	17.397.084.839.767	14.780.414.131	17.178.383.392.840	762.425.496.903	35.352.674.143.641	(12.171.094.324.925)	23.181.579.818.716
Doanh thu thuần từ bán hàng							
ra bên ngoài	12.443.572.634.007	14.780.414.131	10.038.475.930.765	684.750.839.813	23.181.579.818.716	-	23.181.579.818.716
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	4.953.512.205.760	-	7.139.907.462.075	77.674.657.090	12.171.094.324.925	(12.171.094.324.925)	-
2. Tổng chi phí	17.407.585.560.884	17.401.761.527	17.529.139.239.639	818.633.564.798	35.772.760.126.848	(12.220.337.303.400)	23.552.422.823.448
Giá vốn	17.236.378.590.120	14.634.559.034	17.374.648.766.729	807.701.432.242	35.433.363.348.125	(12.214.159.727.803)	23.219.203.620.322
Giá vốn từ bán hàng	12.273.877.249.825	14.634.559.034	10.202.705.982.767	727.985.828.696	23.219.203.620.322	-	23.219.203.620.322
Giá vốn từ bán hàng bán cho bộ phận khác	4.962.501.340.295	-	7.171.942.783.962	79.715.603.546	12.214.159.727.803	(12.214.159.727.803)	-
Chi phí chung	171.206.970.764	2.767.202.493	154.490.472.910	10.932.132.556	339.396.778.723	(6.177.575.597)	333.219.203.126
3. Lợi nhuận tài chính	(30.061.350.425)	342.014.834	(90.352.201.076)	(7.627.075.660)	(127.698.612.327)	(122.551.450.118)	(250.250.062.445)
4. Lợi nhuận từ hoạt động khác	11.572.977.874	679.000.000	13.766.794.778	386.274.486	26.405.047.138	3.758.512.369	30.163.559.507
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	(28.989.093.668)	(1.600.332.562)	(427.341.253.097)	(63.448.869.069)	(521.379.548.396)	(69.549.959.274)	(590.929.507.670)
6. Tài sản bộ phận	7.265.845.101.624	84.768.710.140	4.366.505.649.670	212.885.726.170	11.930.005.187.604	(3.600.911.231.774)	8.329.093.955.830
Trong đó, tài sản không phân bổ	5.963.656.541	2.621.963.489	4.140.917.201	-	12.726.537.231	1.760.625.611	14.487.162.842
7. Nợ phải trả bộ phận	5.466.912.732.631	46.224.329.172	3.202.564.144.886	177.876.758.894	8.893.577.965.583	(2.287.552.892.979)	6.606.025.072.604
Trong đó, nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	41.770.212.425	41.770.212.425